

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đông Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
THIẾT BỊ ĐIỆN THANH LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc

Mã SV: 1112401160

Lớp: QT1502K

Ngành: Kế toán kiểm toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2014
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.
 - Địa chỉ: Số 79/185 Tôn Đức Thắng – Phường An Dương – Quận Lê Chân – Thành Phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Ngọc

Đông Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu. Tác giả đã có sự cập nhật những chuẩn mực kế toán mới nhất về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong bài viết.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty với số liệu năm 2014 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Điều này góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	3
1.1.1 Ý nghĩa của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.3. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.3.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.3.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động	6
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.4.1. Kế toán doanh thu	6
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	11
1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác	14
1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	16
1.4.2 Kế toán chi phí	18
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	18
1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính	23
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác	24
1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25
1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	28

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ ĐIỆN

THANH LINH	34
2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.....	34
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh	34
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp:.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty	36
2.1.4.1. <i>Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty</i>	36
2.1.4.2. <i>Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh</i>	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.	38
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	38
2.2.1.1. <i>Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>	38
2.2.1.2. <i>Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	43
2.2.1.3. <i>Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác</i>	47
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác	50
2.2.2.1. <i>Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán</i>	50
2.2.2.2 <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính</i>	55
2.2.2.3. <i>Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	59
2.2.2.4. <i>Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác</i>	66
2.2.2.5. <i>Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	69
CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ ĐIỆN THANH LINH	77
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả	

kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.....	79
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh...	80
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.	80
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh	80
3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	81
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
3	TSCĐ	Tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	TK	Tài khoản
6	SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa
7	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
8	K/c	Kết chuyển
9	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
10	TP	Thành phẩm
11	DV	Dịch vụ
12	NSNN	Ngân sách Nhà nước
13	LN	Lợi nhuận
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	CCDC	Công cụ dụng cụ
16	PP	Phương pháp
17	BTC	Bộ Tài chính
18	VP	Văn phòng
18	DT	Doanh thu
20	SHB	Sài Gòn Hà Nội Bank
21	XHCN	Xã hội chủ nghĩa
22	CPNVL	Chi phí nguyên vật liệu
23	CPNC	Chi phí nhân công
24	HTK	Hàng tồn kho

LỜI NÓI ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự quản lí của nhà nước theo định hướng XHCN. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù sản xuất kinh doanh hay thương mại thì đều phải thông qua khâu tiêu thụ và lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu. Muốn làm được điều đó thì các nhà quản lý phải nhận thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là nguồn cung cấp thông tin cần thiết để quản lý hiệu quả hoạt động kinh tế công ty.

Bên cạnh đó doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin không chỉ quan trọng với chính doanh nghiệp mà còn quan trọng với các nhà đầu tư, nhà cung cấp... Các thông tin này được đội ngũ kế toán trong công ty tập hợp và phản ánh dưới dạng con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đáng tin cậy thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và một quy trình kế toán phù hợp với đơn vị mình nhưng cũng cần tối thiểu hóa chi phí và có hiệu quả cao. Đây không phải nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi nền kinh tế đang càng ngày phức tạp và gặp nhiều khó khăn.

Sau thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh em đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh của công ty nên em chọn phần hành “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh” làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Khóa luận của em gồm 3 phần sau:

❖ *Chương 1: Tổng quan lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh .*

❖ *Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.*

❖ Chương 3: Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Đồng Thị Nga và các thầy cô giáo trong khoa QTKD cùng các cô, chú, anh chị của phòng Kế toán – Tài chính Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh đã tận tình chỉ bảo, tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Ngọc

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1 Ý nghĩa của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các trung gian tài chính như ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu. Tổ chức kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để

kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa tổ chức kế toán.

Kế toán doanh thu có vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trạng thái các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Là nguồn tài chính để doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định

- Là nguồn tài chính có thể tham gia góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ bù đắp các khoản chi phí đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng trên kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh và tất yếu sẽ dẫn đến phá sản.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.....Nó có vai trò quan trọng không chỉ với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta đi đến việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán. Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập Báo cáo tài

chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.3. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

• **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu tài chính
- Thu nhập khác

• **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- Phân loại chi phí bao gồm:

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác

• **Kết quả kinh doanh:** là việc xác định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.3.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

• **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý kinh} \\ \text{doanh (gồm CP bán} \\ \text{hàng, CP QLDN)} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

• **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

• **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

• **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 - Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều

kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu);
- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không

bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

• Các phương thức bán hàng:

Căn cứ vào thời điểm và phương thức thanh toán tiền của người mua mà người ta có thể chia ra thành các phương thức bán hàng như sau:

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức gửi hàng:** Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình

thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa vật tư tương ứng trên thị trường.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

• **Tài khoản sử dụng:**

- TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - + TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản

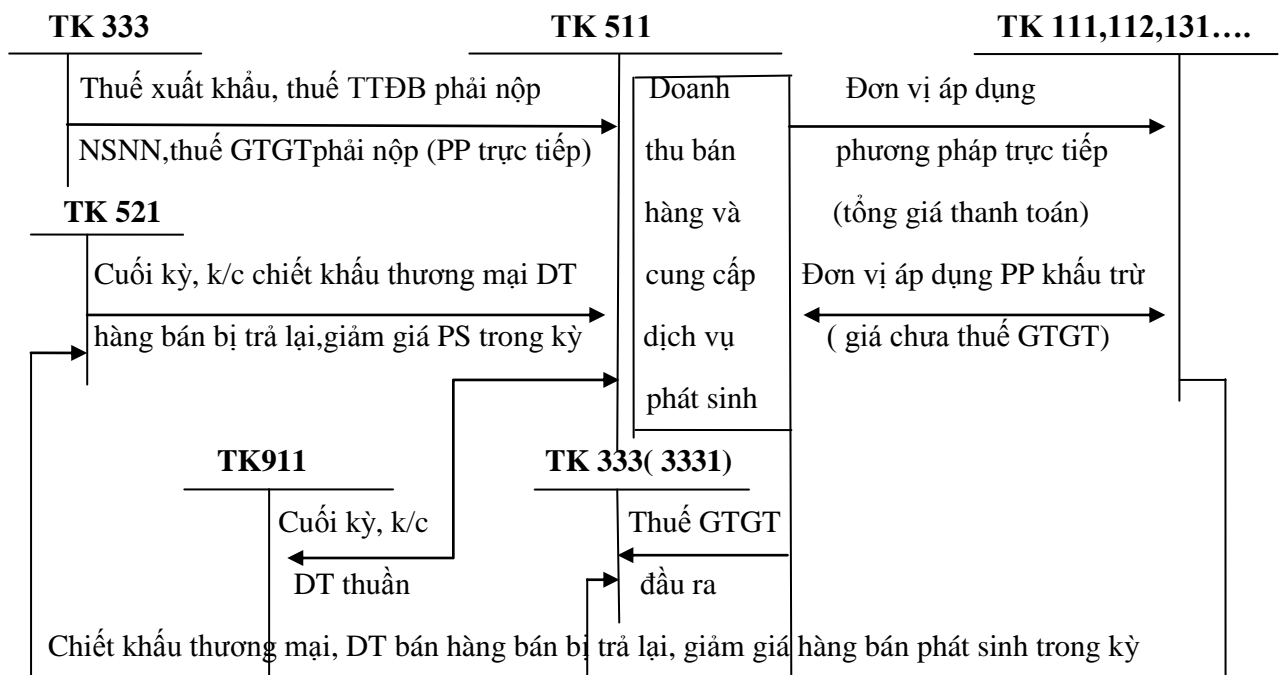
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần về tiêu thụ sang TK911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có



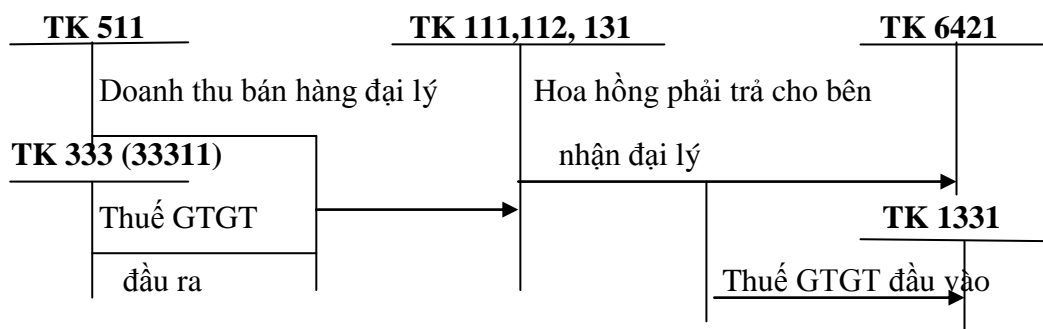
TK511
TK511 không có số dư

• Phương pháp hạch toán:

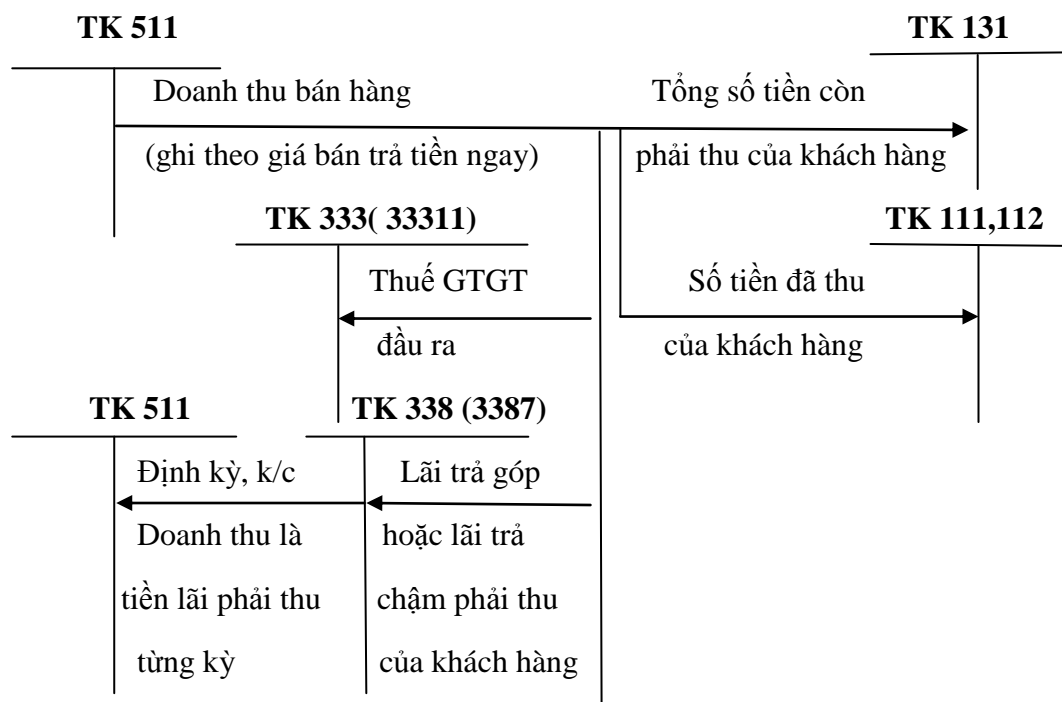
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



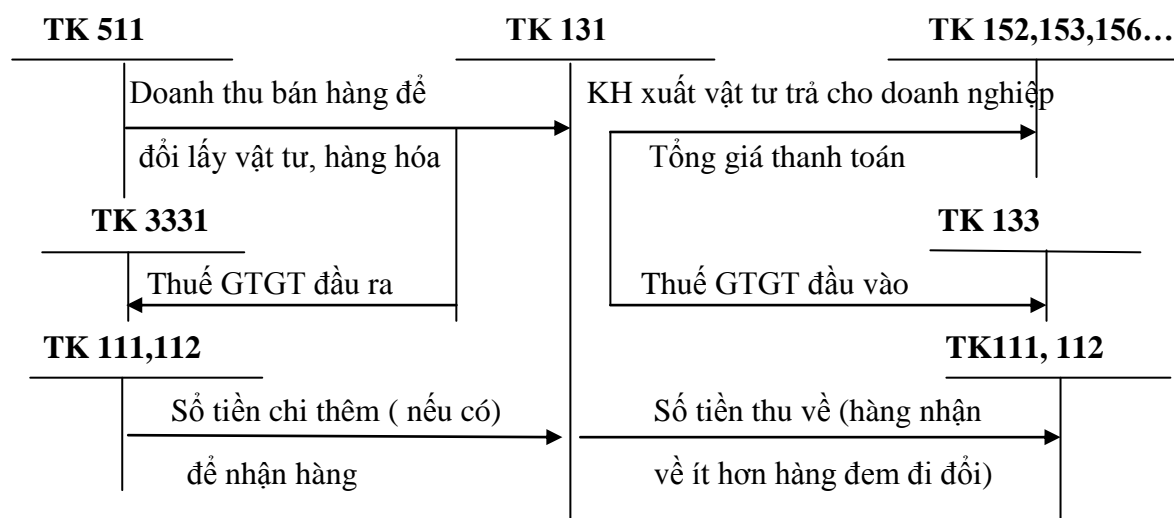
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

• **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư

vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi, giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán, Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng:** TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản

TK 515

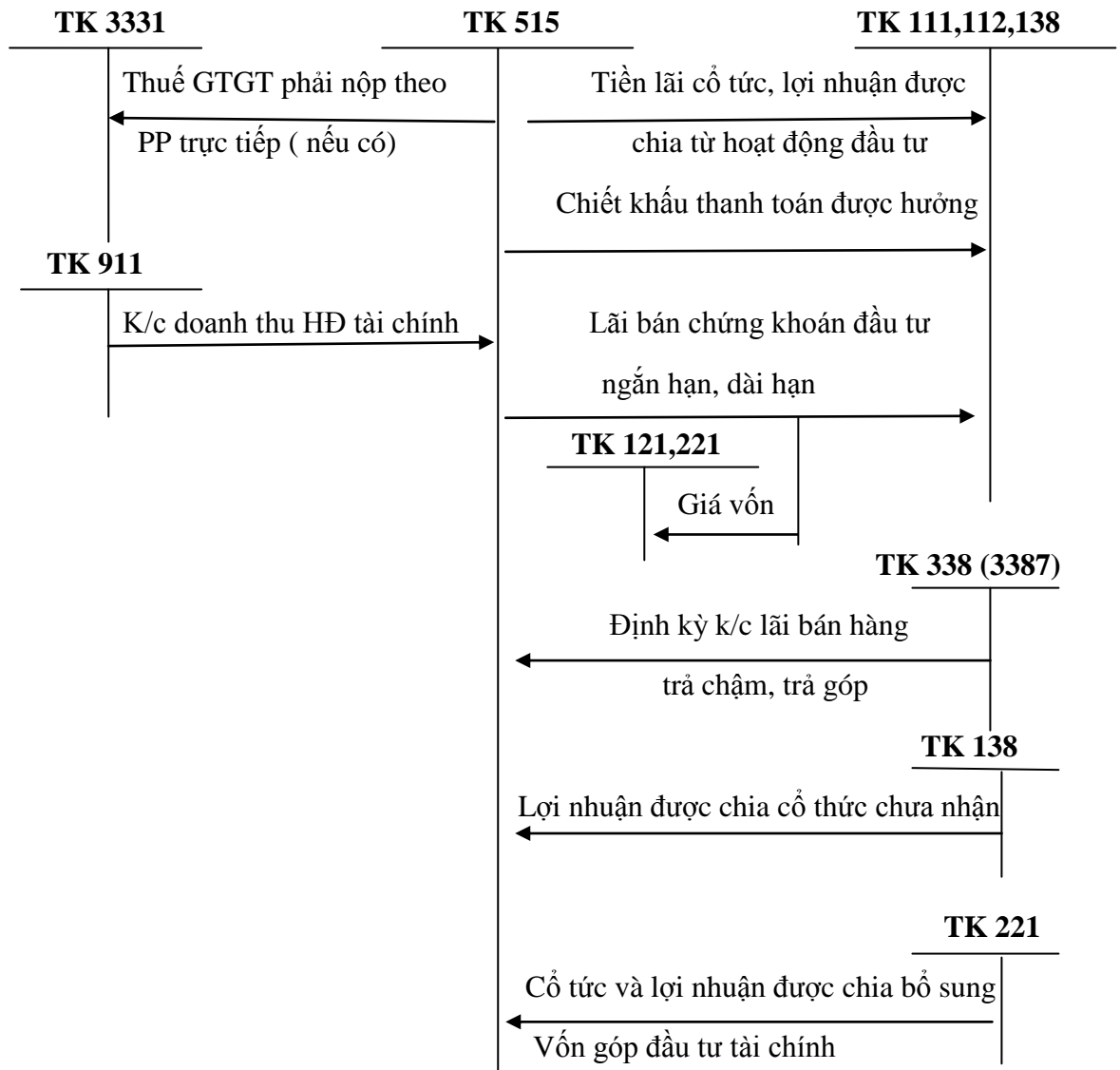
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có



TK515 không có số dư

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

•**Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ,...

•**Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...

- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

•**Tài khoản sử dụng:** TK 711 – “Thu nhập khác”

Kết cấu tài khoản**TK711**

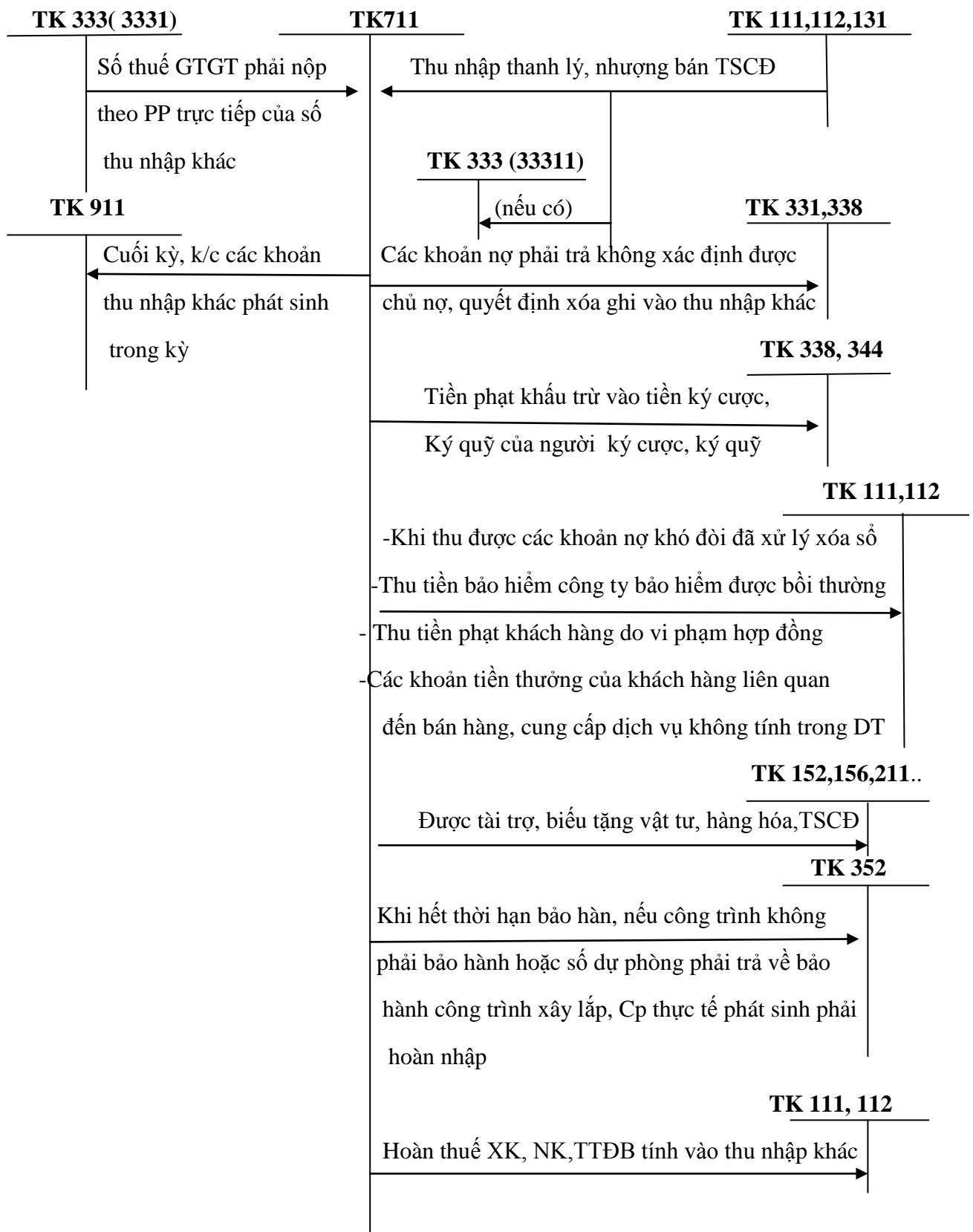
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển thu nhập khác sang TK911 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khóa thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có



TK711 không có số dư

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong TK 521 bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà người bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách trả lại và từ chối thanh toán.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT

- Hợp đồng mua bán

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ...

- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

- **Tài khoản sử dụng:** TK 521 – “Các khoản giảm trừ doanh thu”

- + TK 5211: Chiết khấu thương mại

- + TK 5212: Hàng bán bị trả lại

- + TK 5213: Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản**TK521**

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Chiết khấu thương mại - Số giảm giá cho khách hàng - Doanh thu của hàng hóa bị trả lại - Các khoản giảm giá hàng hóa phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển khoản chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán sáng TK511
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

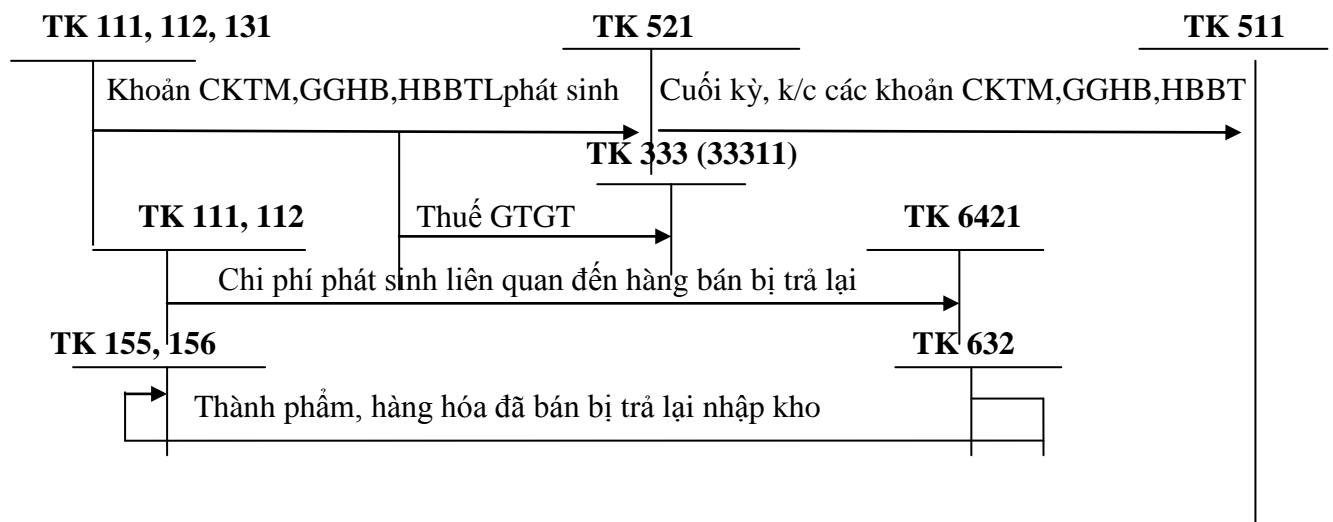


TK521 không có số dư

- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

+ Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.4.2 Kế toán chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

- **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá

trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng:** TK 632 – “Giá vốn hàng bán”

+ Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của hàng hóa trên từng khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

Kết cấu tài khoản

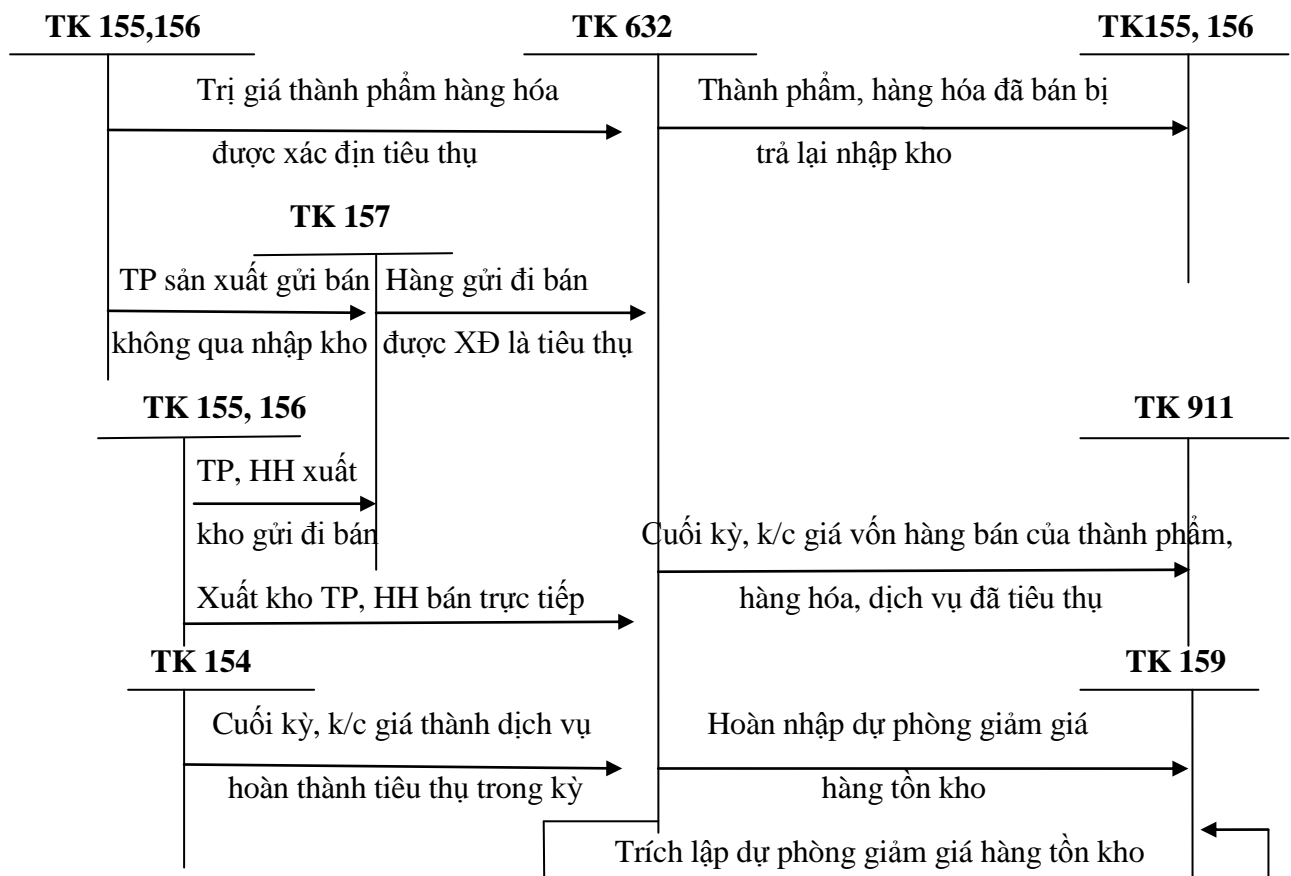
TK632

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng đã bán - Phản ánh hao hụt mất HTK sau khi bồi thường của người gây ra - Phản ánh các khoản dự phòng giảm giá HTK - Phải lập năm nay lớn hơn năm trước - Phản ánh CPNVL, CPNC vượt trên mức bình thường và CP SXC cố định không phân bổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ kế toán - Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ sang TK 911
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

TK632 không có số dư

- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thu phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”
 - + TK 6421 – “Chi phí bán hàng”
 - + TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

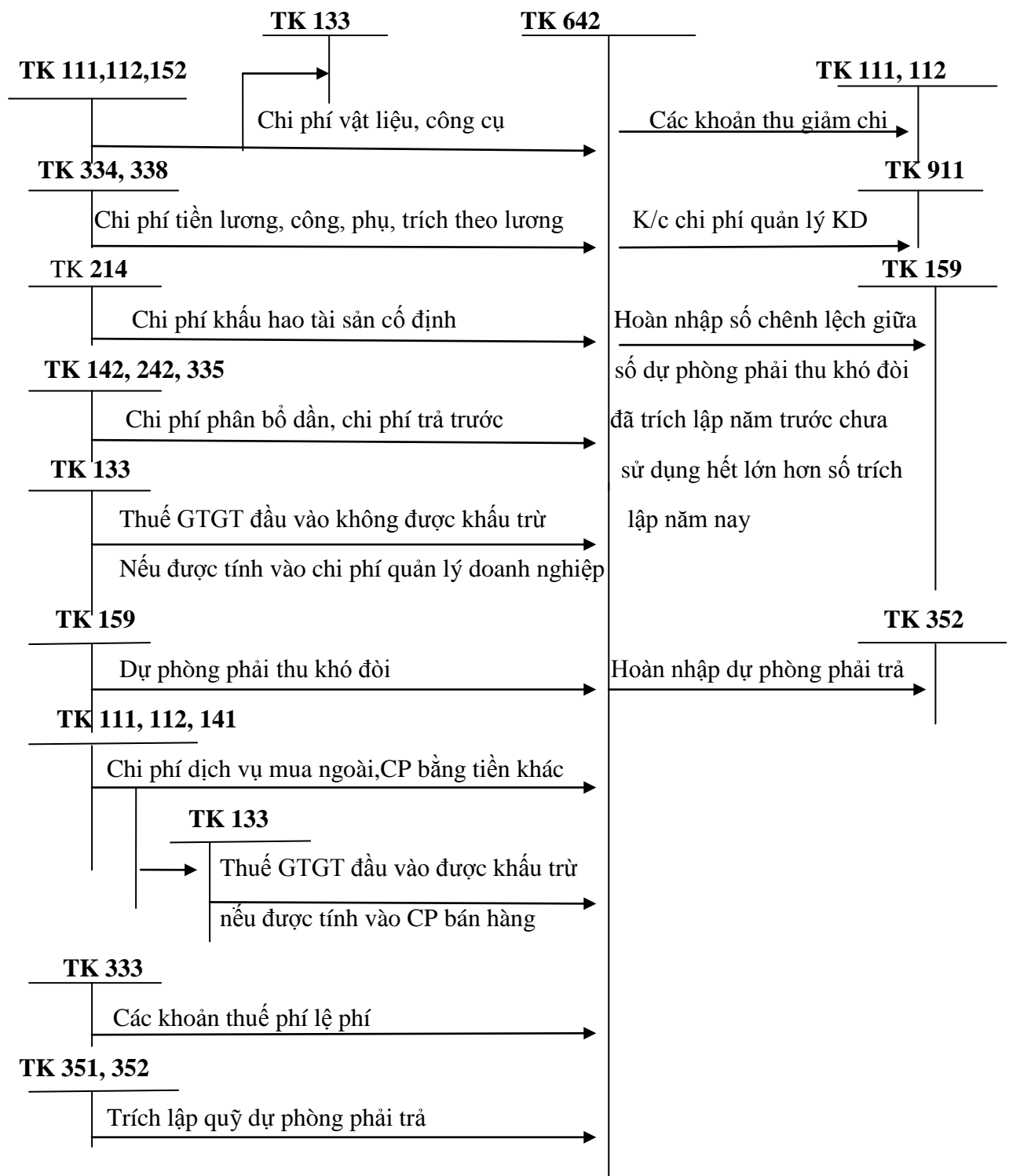
Kết cấu tài khoản**TK642**

Bên nợ	Bên có
- Tập hợp chi phí QLKD phát sinh	- Kết chuyển chi phí QLKD sang TK 911 - Các khoản ghi giảm chi phí QLKD trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

✕
TK642 không có số dư

- Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.4.2.3. Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính: gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “Chi phí tài chính”

Kết cấu tài khoản**TK635**

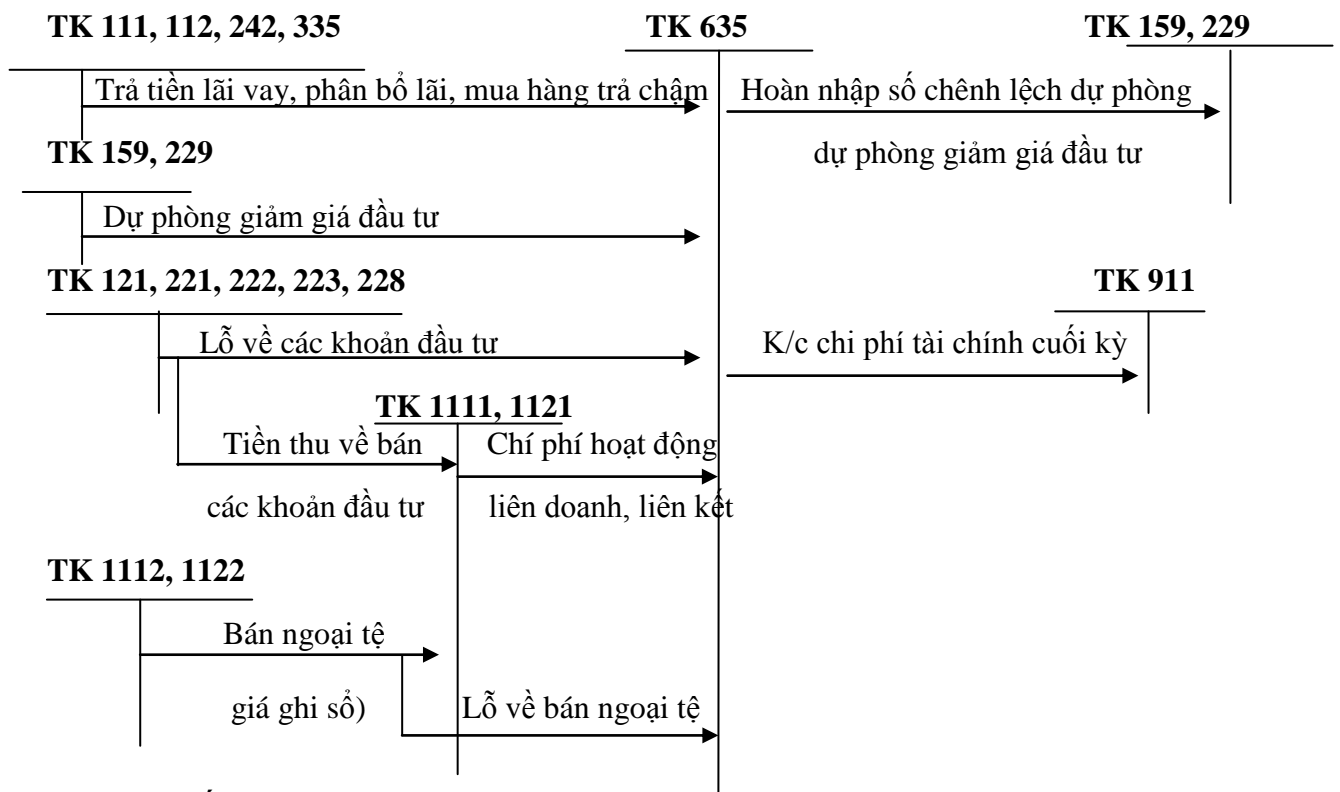
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán - Kết chuyển chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có



TK635 không có số dư

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.2.4. Kế toán chi phí khác

• **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót.

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác

Kết cấu tài khoản

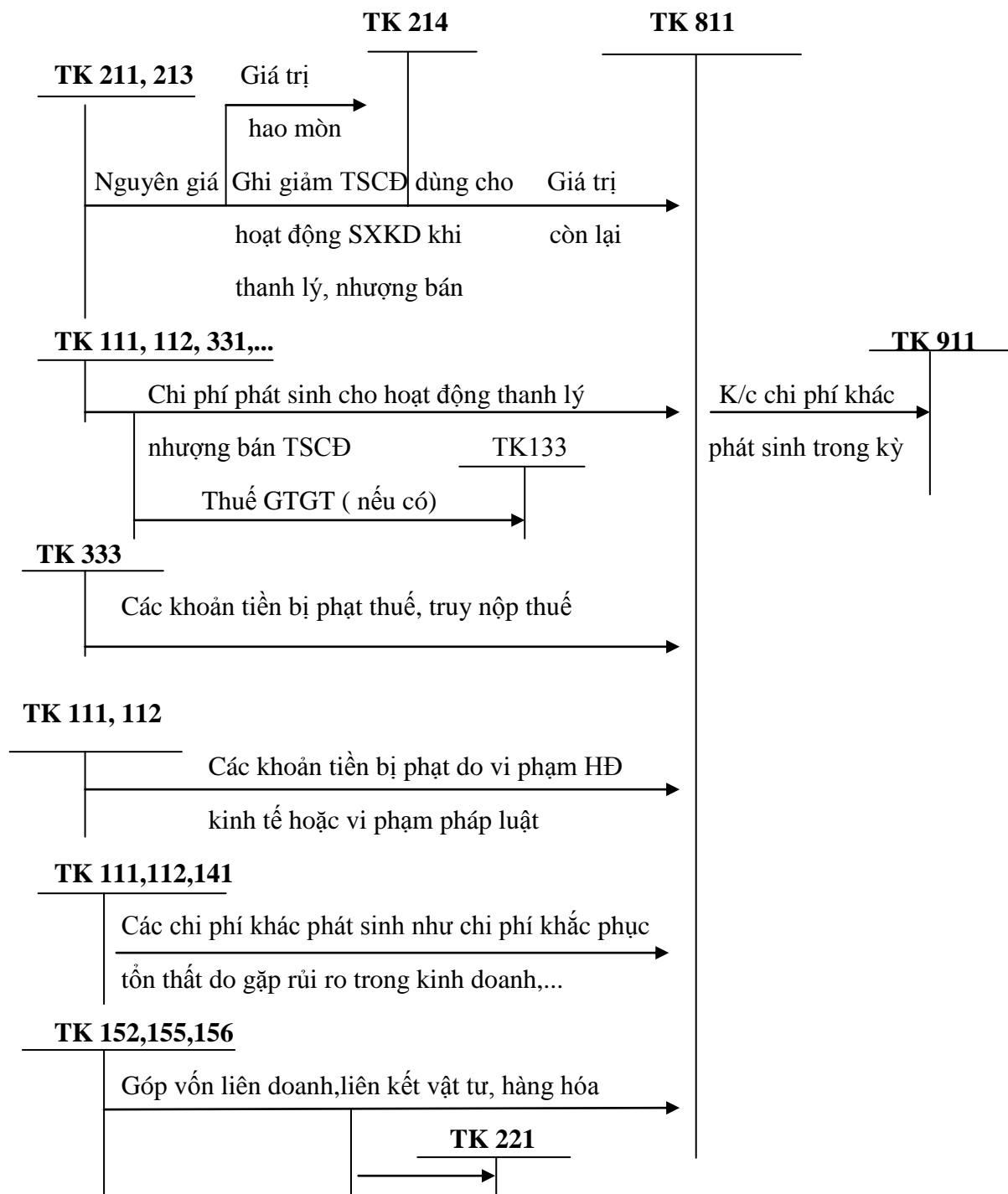
TK811

Bên nợ	Bên có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

TK811 không có số dư

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** là một loại thuế trực thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong

năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện tại

- **Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

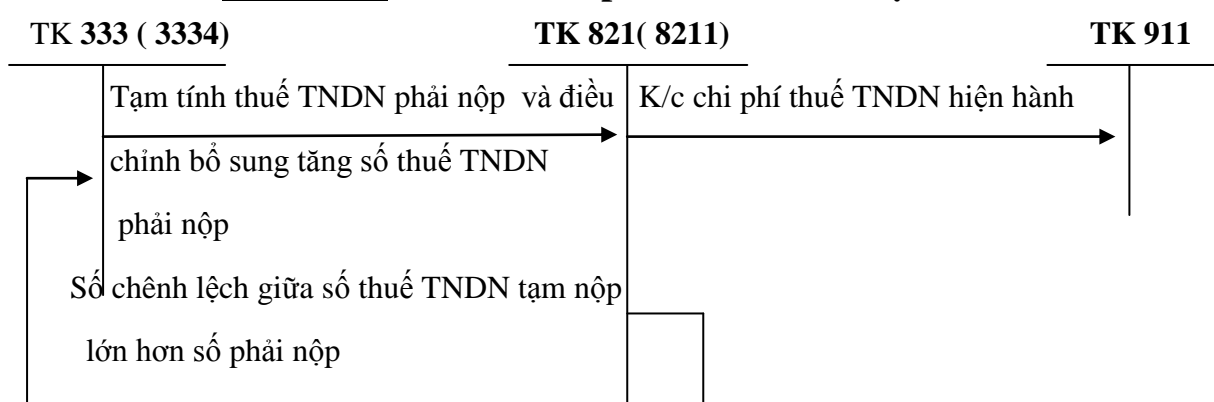
- **Tài khoản sử dụng:** TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- + TK 8211 – “Chi phí thuế TNDN hiện hành”

- + TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

- **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- **Kết quả hoạt động kinh doanh** : là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

- **Tài khoản sử dụng:** TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

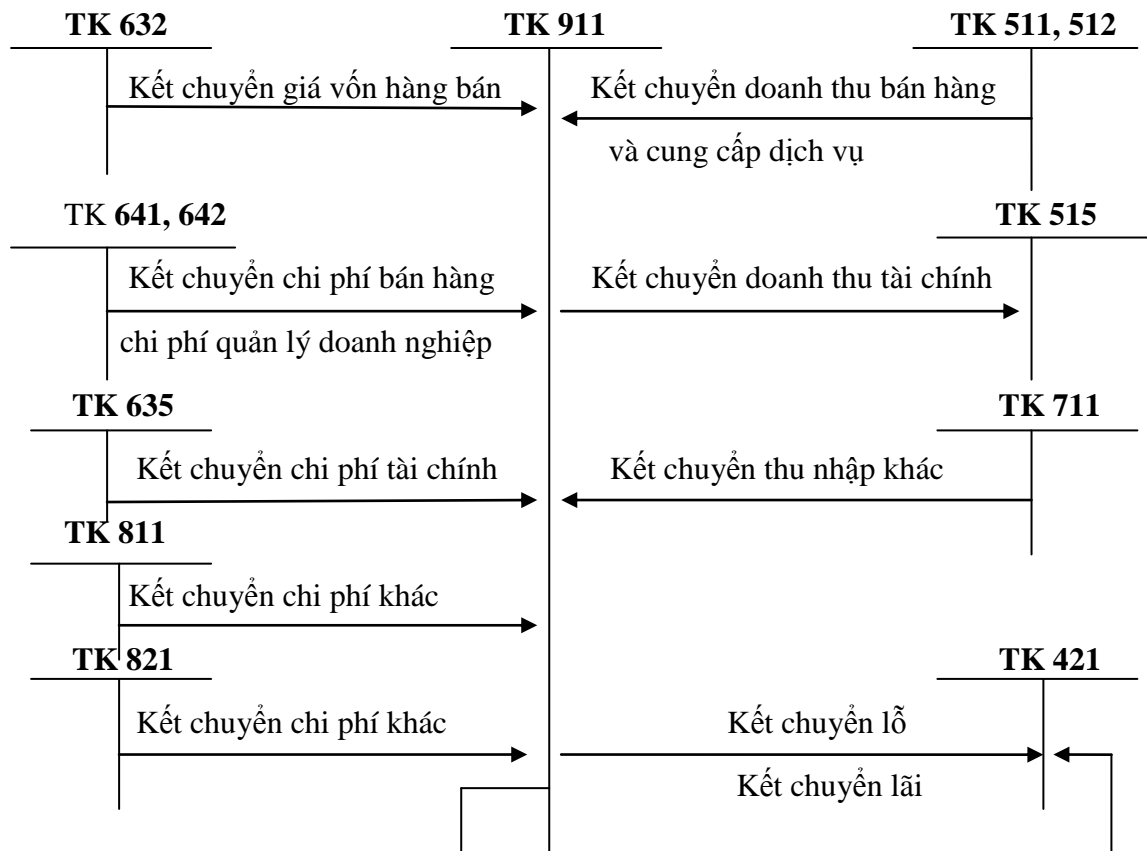
TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

Kết cấu tài khoản**TK911**

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ - Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí QLDN - Kết chuyển chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Kết chuyển lãi sau thuế 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số SP, HH, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính - Kết chuyển thu nhập khác, khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

TK911 không có số dư

- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- **Hệ thống sổ kế toán:**

Sổ kế toán là loại sổ sách dùng để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kỳ kế toán và niên độ kế toán.

Sổ sách kế toán có 2 loại:

+ Sổ kế toán tổng hợp: là sổ thường chỉ dùng chỉ tiêu giá trị để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng cần theo dõi để lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tổng hợp khác

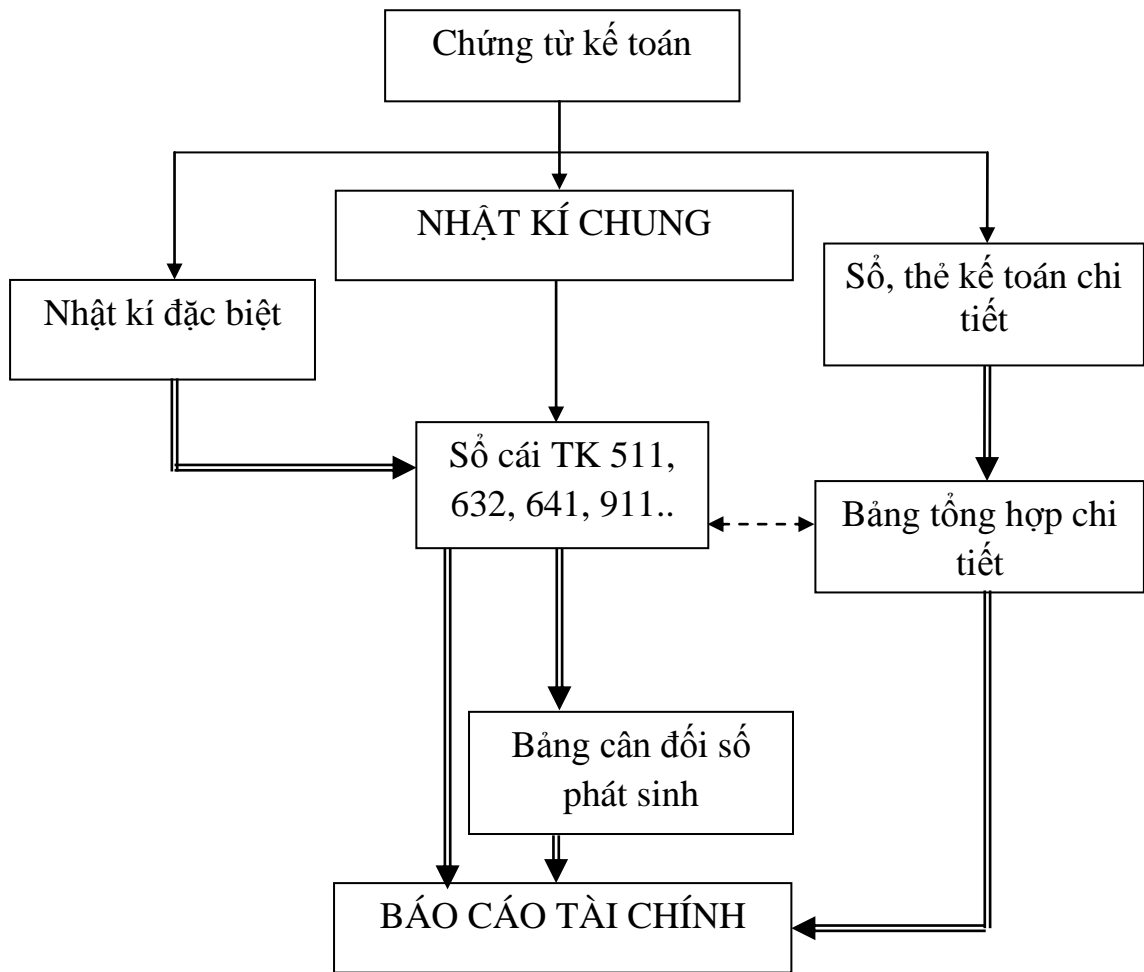
+ Sổ chi tiết: là sổ phân tích các loại tài sản hoặc nguồn vốn theo những yêu cầu quản lý khác nhau như: chi tiết vật tư, hàng hóa.....Sổ này thường dùng chỉ tiêu giá trị và các chỉ tiêu khác như số lượng, đơn giá.....

Tổ chức kế toán là việc kết hợp các loại sổ sách có kết cấu khác nhau theo một trình tự hoạch toán nhất định. Các doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng một trong những hình thức tổ chức kế toán sau đây:

Hình thức nhật ký chung: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

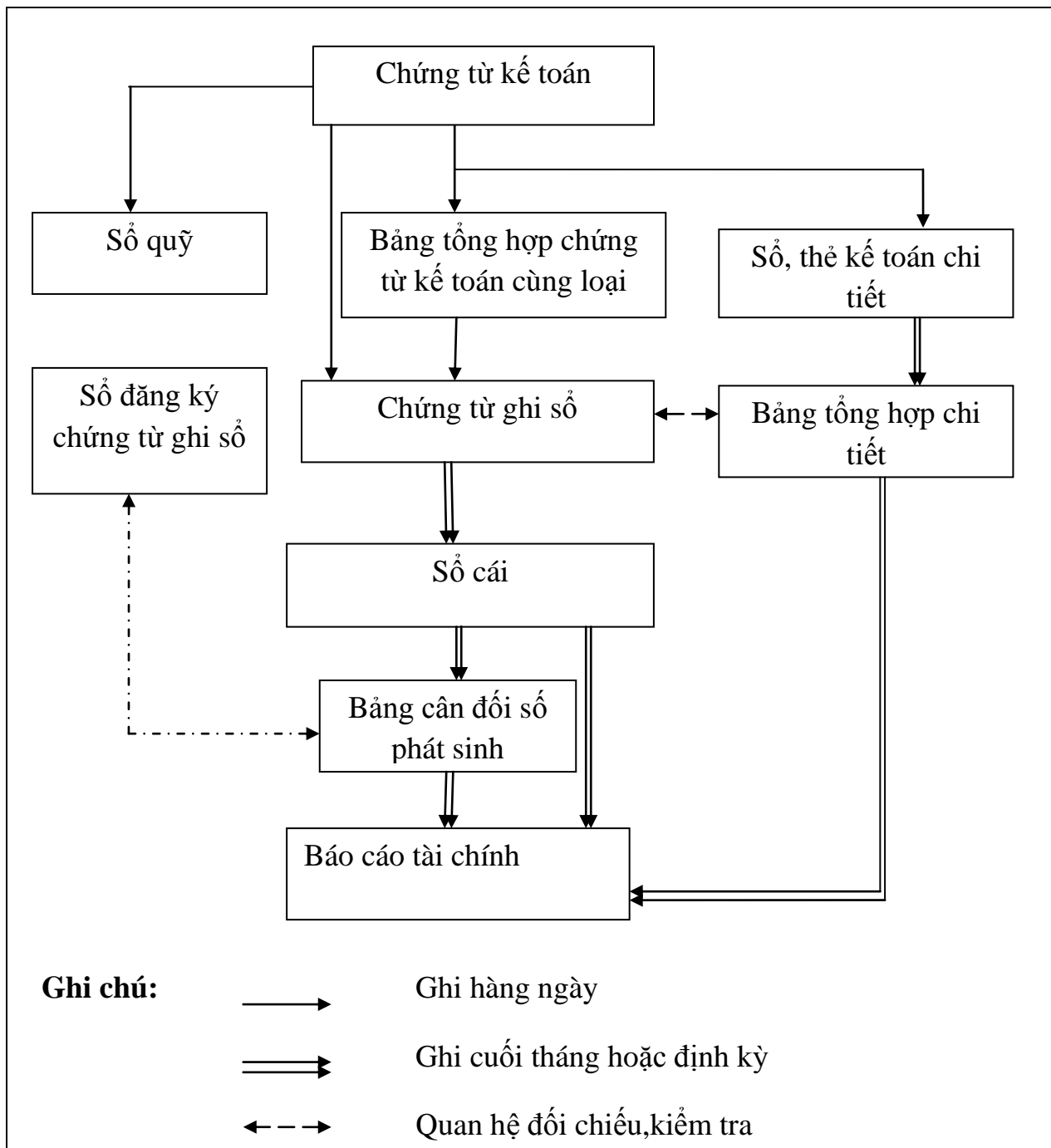
Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hình thức chứng từ ghi sổ: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ
- Sổ cái

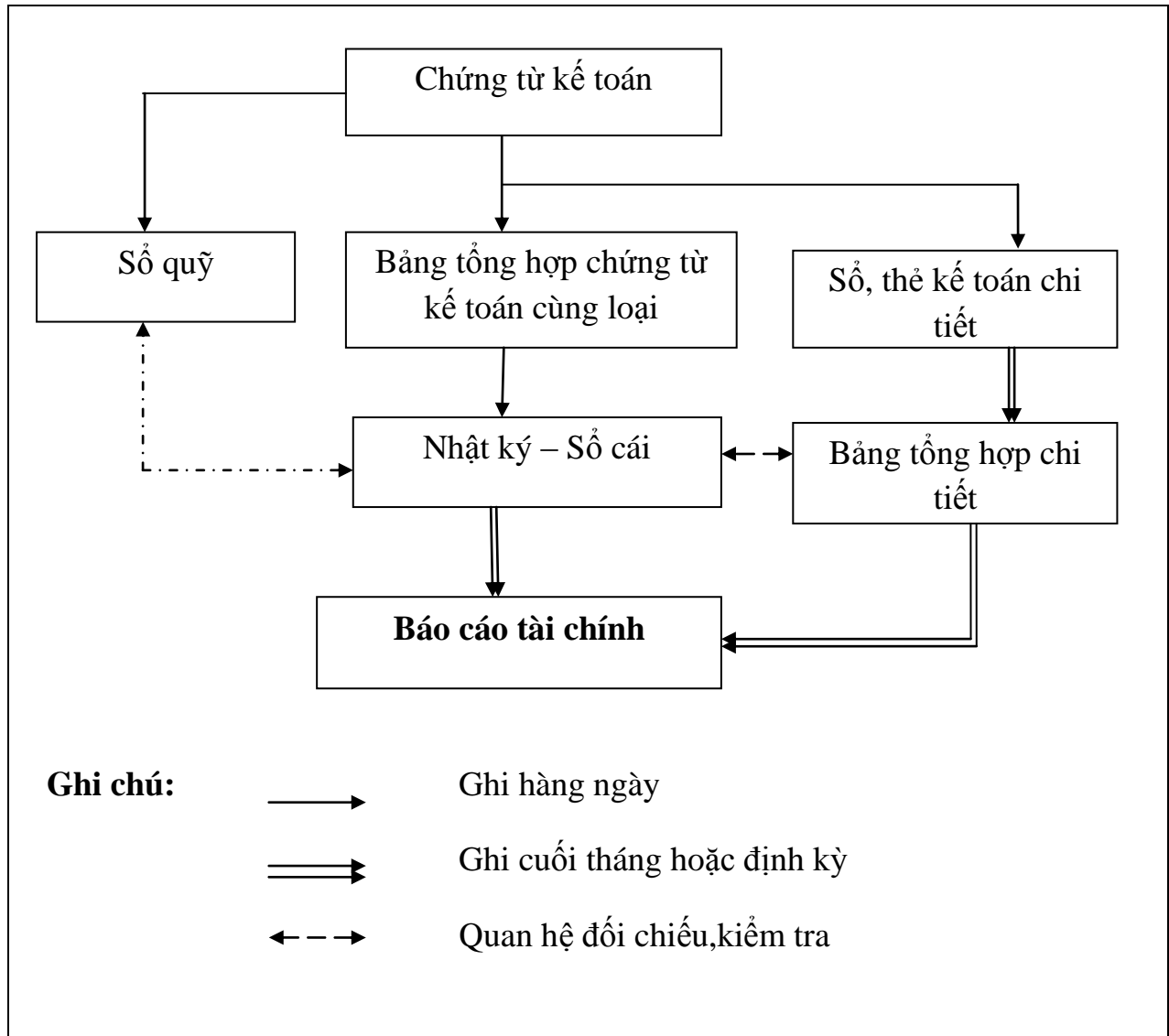
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Hình thức nhật ký – sổ cái : Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- Sổ nhật ký – sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

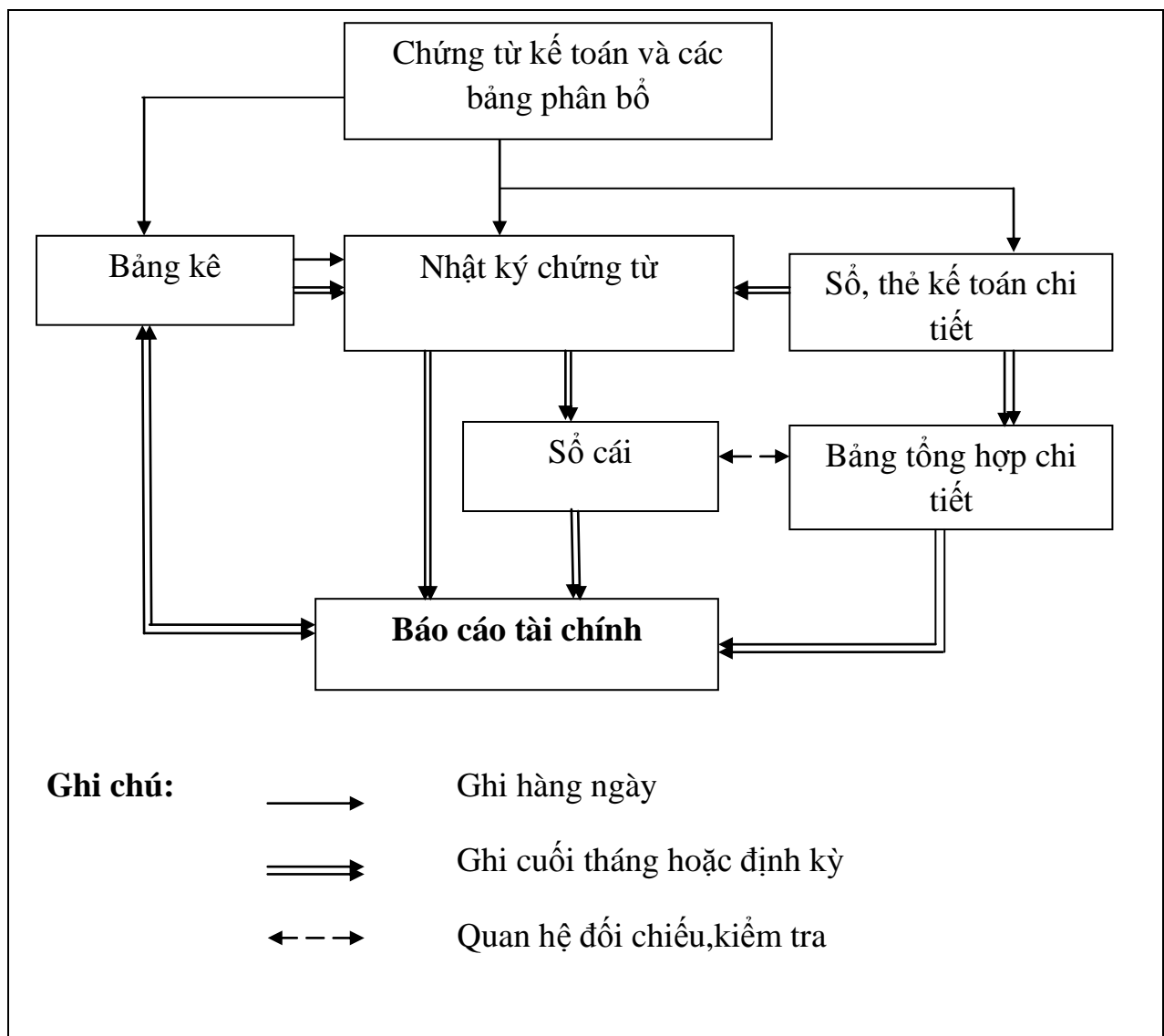
Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Hình thức nhật ký - chứng từ: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

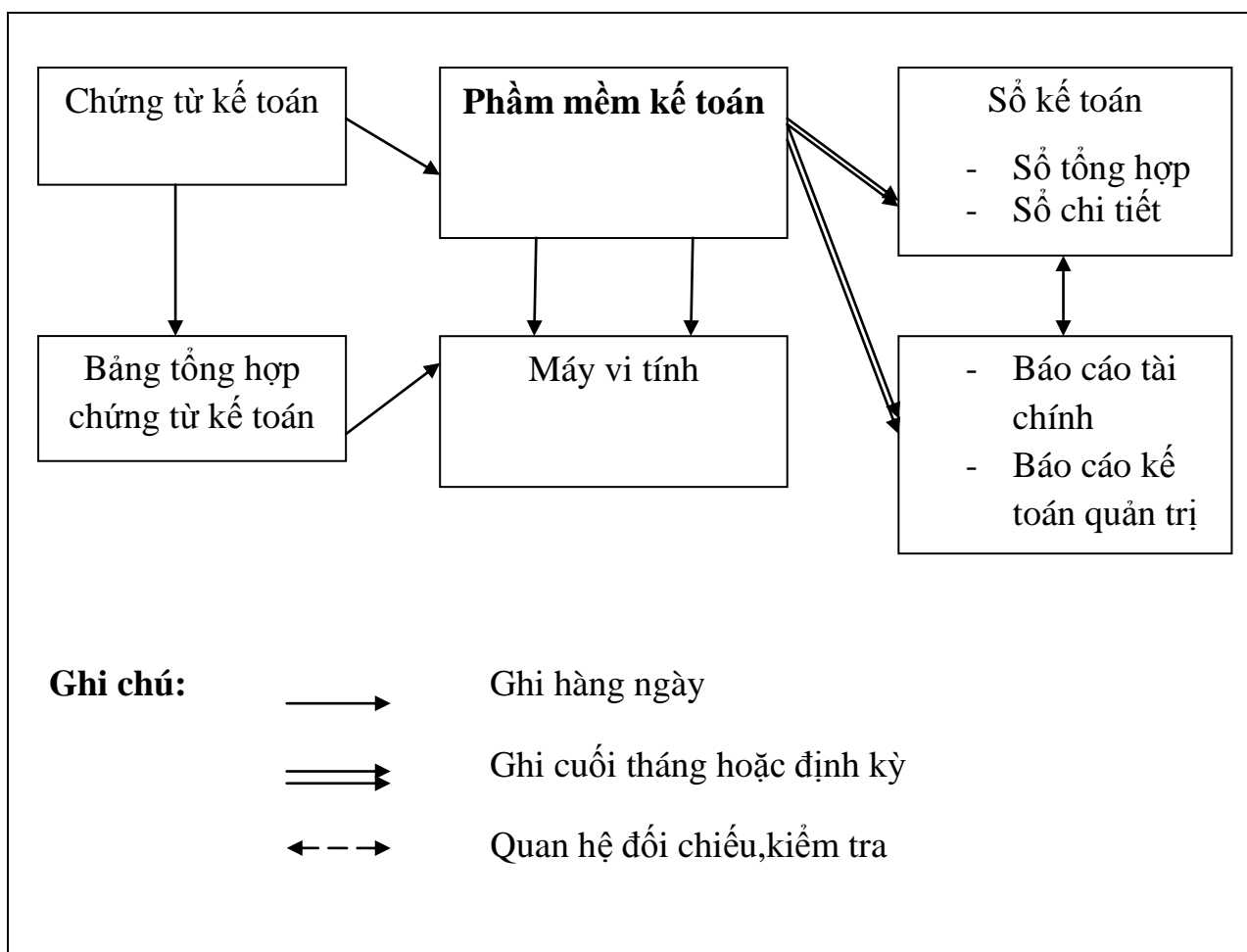
- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Hình thức kế toán máy:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không thể hiện đầy đủ quy định ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ ĐIỆN THANH LINH

2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh được thành lập ngày 04 tháng 06 năm 2010 theo mã số kinh doanh của doanh nghiệp **0201084497** của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Là một công ty mới thành lập, công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây, các hoạt động kinh doanh của công ty tương đối khả quan. Công ty đã có nhiều nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện trong lĩnh vực quản lý như: quản lý nhân sự, thay đổi phương thức tiếp thị, tìm kiếm khách hàng, tăng cường khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay từ công đoạn ban đầu tới khi sản phẩm được giao cho khách hàng sử dụng. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động ổn định và có những bước thay đổi đáng kể so với ban đầu. Công ty đang cố gắng xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế.

- Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh
- Tên tiếng anh: TL ELECEQUIP
- Loại hình: Công ty TNHH
- Ngày hoạt động: 06/06/2010 theo giấy phép đầu tư số 01/GP-HP của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
- Trụ sở Công ty: Số 79/185 Tôn Đức Thắng - Phường An Dương – Quận Lê Chân – Thành Phố Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.835.359
- Mã số thuế : 0201084497
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

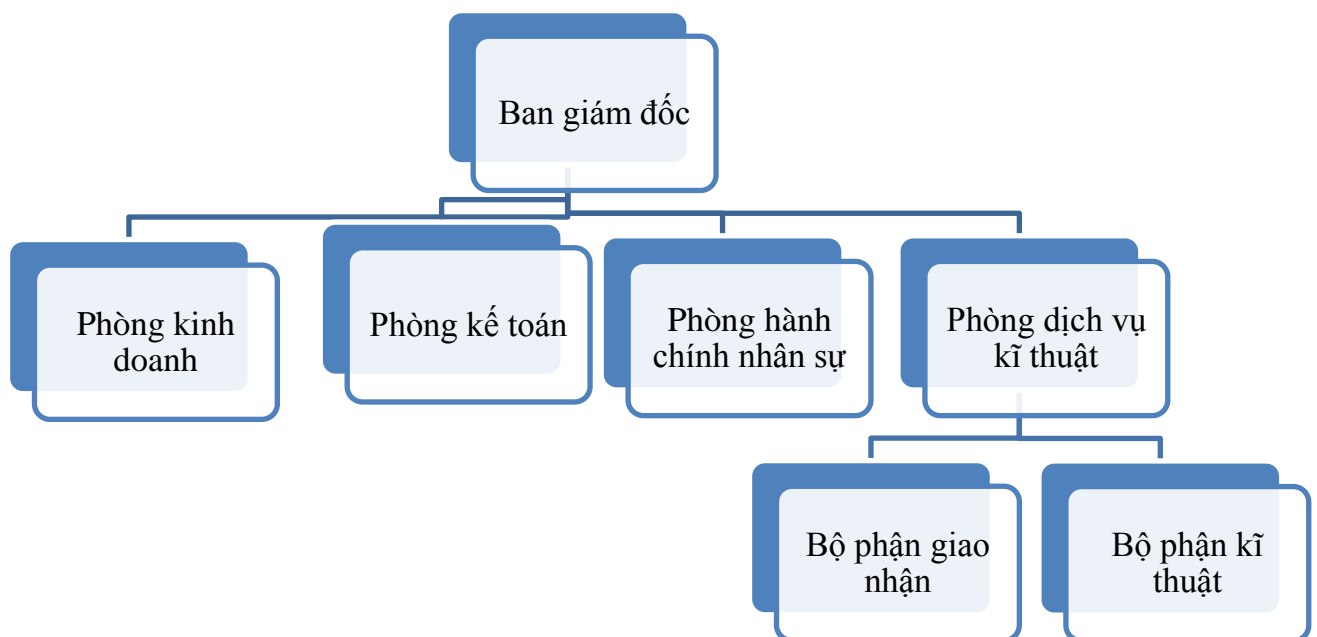
- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh là đại lý cấp 1 của công ty CP dây cáp điện Thượng Đình.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh

Linh chuyên nhập khẩu, tôn chữ và phân phối dây cáp điện, các thiết bị điện, cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh các công trình, tư vấn kỹ thuật,.....

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty:

1. Bán dây, cáp điện, thiết bị dây dẫn điện các loại và điện tử khác
2. Bán đồ điện dân dụng
3. Sửa chữa máy móc, thiết bị điện, điện tử và quang học
4. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. hệ thống điện
5. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
6. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
7. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
8. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
9. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
10. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
11. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
12. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
13. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
14. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.....

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp:



- Ban giám đốc công ty: Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.

- Phòng dịch vụ kỹ thuật:

Bộ phận kỹ thuật: cung cấp, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật.

Bộ phận giao nhận: chịu trách nhiệm bàn giao sản phẩm theo hợp đồng, trực

tiếp thực hiện các công việc thi công lắp đặt nếu cần.

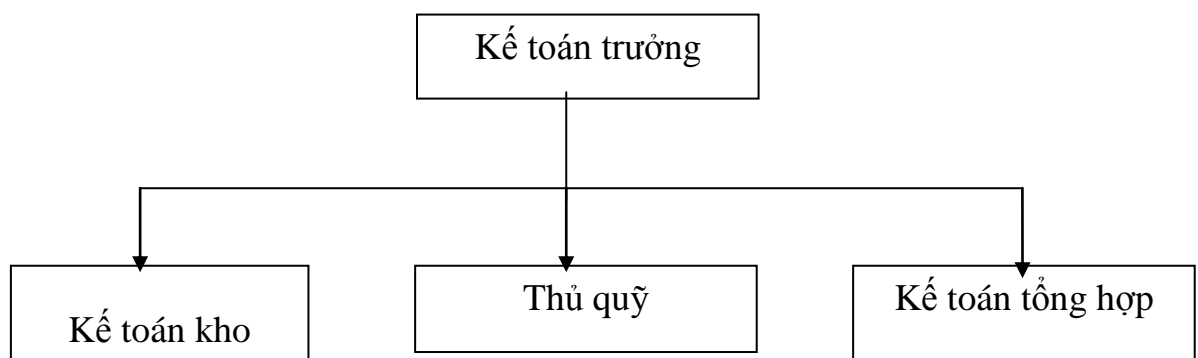
- Phòng hành chính nhân sự: Chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, quản lý chung bảng lương cho các cấp quản trị và nhân viên, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự,.....

- Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng, tìm kiếm và thiết lập quan hệ với khách hàng.

- Phòng kế toán: Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



- Kế toán trưởng: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty. Đôn đốc, giám sát chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

- Kế toán kho: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại hàng hóa vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập xuất tồn...

- Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm xử lý các nghiệp vụ kế toán liên quan đến bán hàng, tiền các khoản tương đương tiền, lương, công nợ....Chịu trách nhiệm kiểm tra đối chiếu các tài liệu kế toán, lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ.Lập các báo cáo tháng, quý, năm, báo cáo tài chính.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý thu-chi tiền mặt. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo

quyết định 48/2006/QĐ-BTC

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền

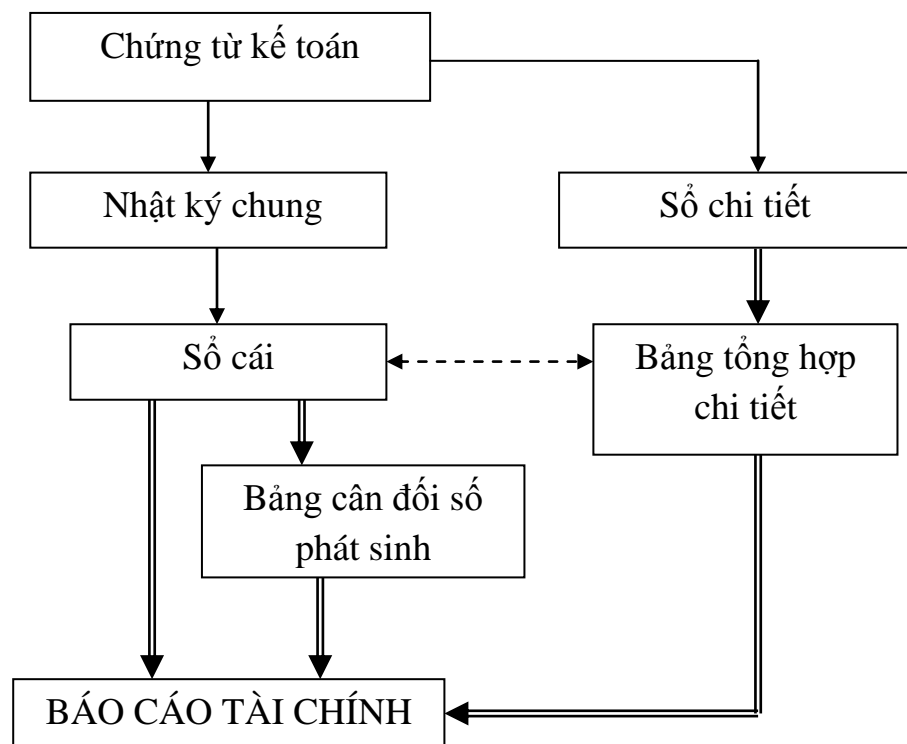
cả kỳ

- Hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.
- Hệ thống sổ sách bao gồm:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái các tài khoản

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán Mẫu số B-01/DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B-02/DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B-03/DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B-09/DN

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi hàng ngày: →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra: ←

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở Sổ kế toán chi tiết thì đồng thời ghi vào các Sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối kỳ, từ Sổ chi tiết kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

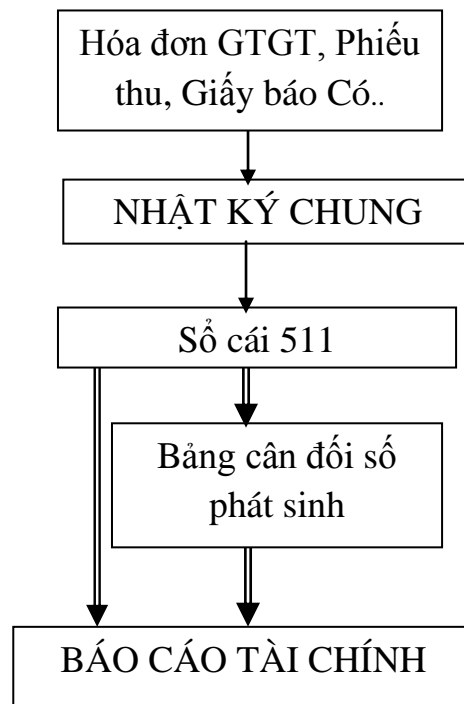
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

2.2.1.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

- ❖ Doanh thu của công ty chủ yếu từ hoạt động bán bán dây cáp điện, các thiết bị điện, máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
- ❖ Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp
- ❖ Hình thức thanh toán:
 - Tiền mặt
 - Chuyển khoản
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
 - Các chứng từ liên quan khác
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.



Trong đó:

- Ghi hàng ngày
⇒ Ghi định kỳ

Ví dụ: Ngày 5/12/2014, kê toán ghi nhận doanh thu bán Dây Cu/PVC 1x10 màu tiếp địa cho công ty TNHH DAITO BURRER Việt Nam số tiền: 39.395.455 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

Kê toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000189 ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511.

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số **0000189**

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/14P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0000189			
Ngày 05 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh					
Mã số thuế: 0201084497					
Địa chỉ: Số 79 ngõ 185 đường Tôn Đức Thắng, P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.HP					
Điện thoại: 0313.835.369					
Số tài khoản: 28000796908 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội(SHB) – chi nhánh HP					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Kiều Trang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH DAITO BURRER Việt Nam					
Địa chỉ: Lô J- 15A&J-15B Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số TK:					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dây Cu/PVC 1x10 màu tiếp địa	M	3450	11.419	39.395.455
Cộng tiền hàng					39.395.455
Thuế suất GTGT:...10%.... Tiền thuế GTGT					3.939.545
Tổng cộng tiền thanh toán					43.335.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.2: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
...
HD 0000189	05/12	Phải thu khách hàng	131	39.395.455	
		Doanh thu bán hàng công ty Daito Burrer Việt Nam	511		39.395.455
		Phải thu khách hàng	131	3.939.545	
		Thuế GTGT phải nộp	3331		3.939.545
...
HD 0000205	18/12	Phải thu khách hàng	131	22.282.000	
		Doanh thu bán hàng công ty CP Giấy Hoàng Hà HP	511		22.282.000
		Phải thu khách hàng	131	2.228.200	
		Thuế GTGT phải nộp	3311		2.228.200
...
		Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	4.621.627.068	
			911		4.621.627.068
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Trích sổ cái TK 511 tháng 12 năm 2014**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK: Doanh thu bán hàng****Số hiệu tài khoản: 511– Năm 2014****Đơn vị: đồng**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
05/12/2014	HĐ189	05/12/2014	Doanh thu bán hàng công ty Daito Burrer Việt Nam	131		39.395.455
.....
18/12/2014	HĐ205	18/12/2014	Doanh thu bán hàng công ty CP Giấy Hoàng Hà HP	131		22.282.000
.....
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	4.621.627.068	
			Cộng số phát sinh		4.621.627.068	4.621.627.068
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

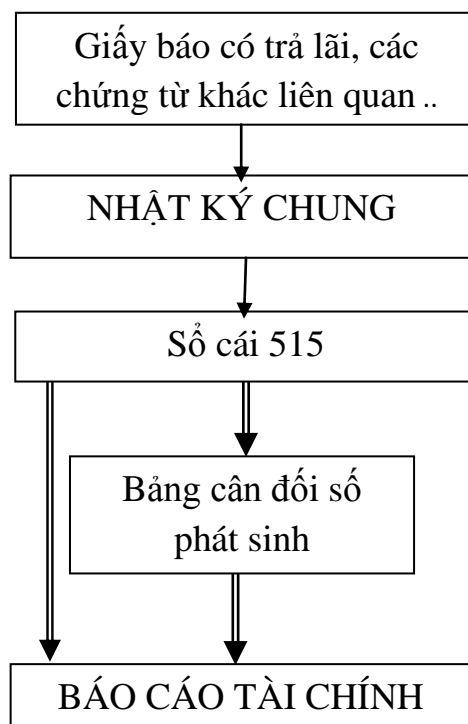
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.1.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - + TK 112 – “Tiền gửi ngân hàng”
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có trả lãi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.




Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 13/12/2014 công ty nhận Giấy báo có của ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – chi nhánh HP về lãi tiền gửi tháng 12/2014 được hưởng là: 43.463 đồng

Biểu số 2.4: Giấy báo có

 Solid partners, flexible solutions NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI	Ngày in/Printed date:13/12/2014 Giao dịch viên/Teller:THUYNB Số giao dịch/Transno: AASF270114000582
GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP Ngày/date:13/12/2014	
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY	
Tên tài khoản/Customer name: Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện Thanh Linh	
Số tài khoản/Account number: 0021001496243	
	Tổng số tiền bằng số/Amount 43,463.00 VNĐ
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT	
Tên tài khoản/Customer name: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội(SHB) – chi nhánh HP	
Số tài khoản/Account number:	
Số tiền bằng chữ/Amount in words: <i>Bốn mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng</i>	
Nội dung/Content:Nhập lãi tiền gửi vào TK gốc - 0211001496243	
GIAO DỊCH VIÊN TELLER	KIỂM SOÁT CHECKER

Biểu số 2.5: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện
Thanh Linh
P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
GBC 346	05/12	Lãi TK 1000612850124			
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng BTDV	112	35.457	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	515		35.457
.....
GBC 358	13/12	Lãi TK 0201001496243			
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng SHB	112	43.463	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	515		43.463
.....
PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	354.155	
			911		354.155
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 515 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện
Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515– Năm 2014

Đơn vị: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
05/12/2014	GBC346	05/12/2014	Lãi TK 1000612850124	112		35.457
.....
13/12/2014	GBC358	13/12/2014	Lãi TK 0201001496243	112		43.463
.....
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	354.155	
			Cộng số phát sinh		354.155	354.155
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

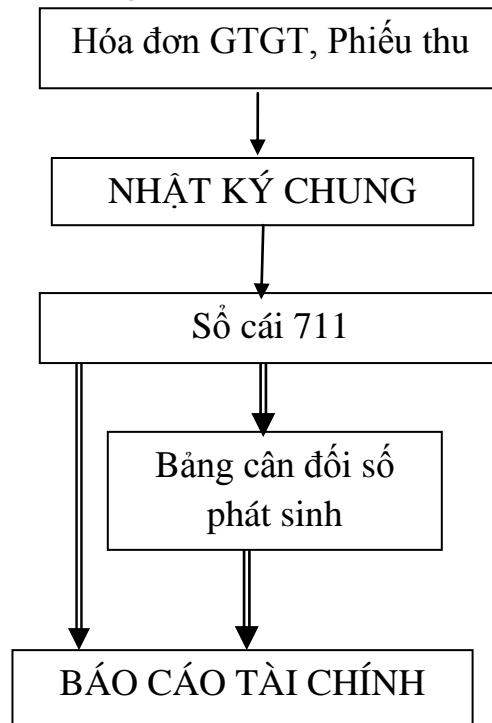
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác

- ❖ Nội dung:
 - Thu từ nhượng bán tài sản cố định
 - Các khoản thu khác
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu
 - Chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác”
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇒

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi số liệu vào Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 711. Cuối kỳ, từ Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.8: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX215	27/12	Giá vốn bán hàng	632	20.899.500	
			156		20.899.500
		Phải thu khách hàng	131	24.245.000	
		Doanh thu bán hàng cho công ty thiết bị điện VDT	511		24.245.000
		Phải thu khách hàng	131	2.424.500	
		Thuế GTGT phải nộp	3331		2.424.500
.....
PKT	31/12	Tắt toán tài khoản công ty	331	400	
			711		400
.....
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác	711	400	
			911		400
.....
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 711 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện

Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: Doanh thu khác

Số hiệu tài khoản: 711– Năm 2014

Đơn vị: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Tất toán tài khoản công ty 558	331		400
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu khác	911	400	
			Cộng số phát sinh		400	400
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

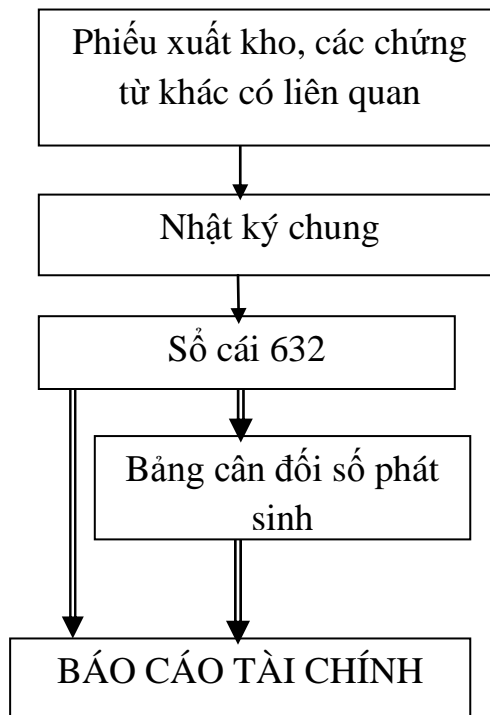
Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 – “Giá vốn hàng bán”
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Ví dụ minh họa: Ngày 27/12/2014 Công ty xuất kho Dây Cu/PVC 1x30 bán cho Cty Công ty cổ phần thiết bị điện VDTtheo HĐ0000218.

Kế toán lập phiếu xuất kho 27/12. Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 632.

Doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

Cụ thể:

Ngày 1/12/2014: Tồn đầu kỳ: Mặt hàng Dây Cu/PVC 1x30 : 2000m, đơn giá 14.000đ/m

Ngày 10/12/2014: Nhập kho 3.500 m dây Cu/PVC 1x30 đơn giá 13.990đ/m, chưa thanh toán cho người bán

Ngày 22/12/2014: : Nhập kho 2.500 m dây Cu/PVC 1x30 đơn giá 13.800đ/m, chưa thanh toán cho người bán

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá bình} \quad \text{Trị giá hàng hóa tồn} \quad \text{Trị giá hàng hóa nhập} \\
 \text{quân gia} \quad \text{kho đầu kỳ} \quad + \quad \text{kho trong kỳ} \\
 \text{quyền cả kỳ} \quad \frac{\text{Số lượng hàng hóa} \quad + \quad \text{Số lượng hàng hóa}}{\text{tồn kho đầu kỳ} \quad \text{nhập kho trong kỳ}} \\
 = \frac{2000 \times 14000 + 3500 \times 13990 + 2500 \times 13800}{2000 + 3500 + 2500} = 13.933 \text{đ/m}
 \end{array}$$

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DV thiết
điện Thanh Linh

Bộ phận:

Mẫu số: 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Số: 215

Quyển số: 5

Nợ: 632

Có: 156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hương
- Địa chỉ (bộ phận): Công ty cổ phần thiết bị điện VDT
- Lý do xuất kho: xuất kho bán hàng theo HĐ GTGT 0000239
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Dây Cu/PVC 1x30	PVC130	M	1500	1500	13.933	20.899.500
	Cộng	X	X	X	X	X	20.899.500

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng.

Ngày 27 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PX215	27/12	Giá vốn bán hàng	632	20.899.500	
			156		20.899.500
		Phải thu khách hàng	131	24.245.000	
HĐ218	27/12	Doanh thu bán hàng cho công ty thiết bị điện VDT	511		24.245.000
		Phải thu khách hàng	131	2.424.500	
		Thuế GTGT phải nộp	3331		2.424.500
.....
PX223	30/12	Giá vốn bán hàng	632	20.750.000	
			156		20.750.000
		Phải thu khách hàng	131	25.800.000	
HĐ225	30/12	Doanh thu bán hàng cho công ty TNHH Thương mại – Vận tải Hải Phòng	511		25.800.000
		Phải thu khách hàng	131	2.580.000	
		Thuế GTGT phải nộp	3331		2.580.000
.....
		Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	4.311.922.970	
			632		4.311.922.970
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 632 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632– Năm 2014

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
27/12/2014	PX215	27/12/2014	Xuất bán dây Cu/PVC 1x30 cho công ty CP thiết bị điện VDT	156	20.899.500	
.....
30/12/2014	PX223	30/12/2014	Xuất bán cuộn hút van từ 425–117VAC cho CT TNHH Thương mại –Vận tải HP	156	20.750.000	
.....
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		4.311.922.970
			Cộng số phát sinh		4.311.922.970	4.311.922.970
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

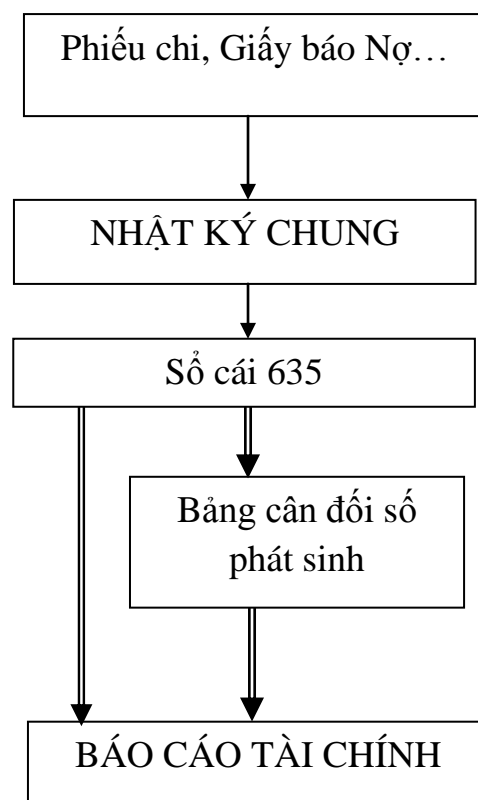
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

- ❖ Nội dung: Chủ yếu là lãi vay phải trả cho ngân hàng
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo Nợ
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính”
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.




Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi cuối kỳ ⇨

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 20/12/2014 công ty nhận được giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội(SHB) – chi nhánh HP về số tiền lãi vay phải trả tháng 12/2012 số tiền 1.866.656 đồng

Biểu số 2.13: Giấy báo nợ của ngân hàng

 Solid partners, flexible solutions NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI	Ngày in/Printed date: 20/12/2014 Giao dịch viên/Teller: SOMAKE Số giao dịch/Transno: 1403200075407605
GIẤY BÁO NỢ/DEBIT SLIP Ngày/date: 20/12/2014	
ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT	
Tên tài khoản/Customer name: Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện Thanh Linh	
Số tài khoản/Account number: 0021001496243	
	Tổng số tiền bằng số/Amount 1,866,656.00 VNĐ
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY	
Tên tài khoản/Customer name: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội(SHB) – chi nhánh HP	
Số tài khoản/Account number: 002100167975	
Số tiền bằng chữ/Amount in words: <i>Một triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng.</i>	
Nội dung/Content: Công ty TNHH Thiên TM & DV Thanh Linh thanh toán tiền lãi vay tháng 12	
GIAO DỊCH VIÊN TELLER	KIỂM SOÁT CHECKER

Biểu số 2.14: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện
Thanh Linh
P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
GBN371	09/12	Trả tiền lãi vay	635	361.114	
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng BIDV	112		361.114
.....
GBN375	15/12	Trả tiền lãi vay	635	416.670	
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng TMCP Hàng Hải	112		416.670
GBN376	20/12	Trả tiền lãi vay	635	1.866.656	
		VNĐ gửi tại ngân hàng SHB	112		1.866.656
.....
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 635 - >911	911	23.613.911	
			635		23.613.911
.....
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 635 tháng 12 năm 2014**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK: Chi phí tài chính****Số hiệu tài khoản: 635– Năm 2014****ĐVT: đồng**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
09/12/2014	GBN371	09/12/2014	Trả tiền lãi vay ngân hàng BIDV- Chi nhánh HP	112	361.114	
.....
15/12/2014	GBN375	15/12/2014	Trả tiền lãi vay ngân hàng TMCP Hàng Hải – chi nhánh HP	112	416.670	
.....
20/12/2014	GBN376	20/12/2014	Trả tiền lãi vay tháng 12/2014 Ngân Hàng SHB-chi nhánh HP	112	1.866.656	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển chi phí tài chính 635 ->911	911		23.613.911
			Cộng số phát sinh		23.613.911	23.613.911
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

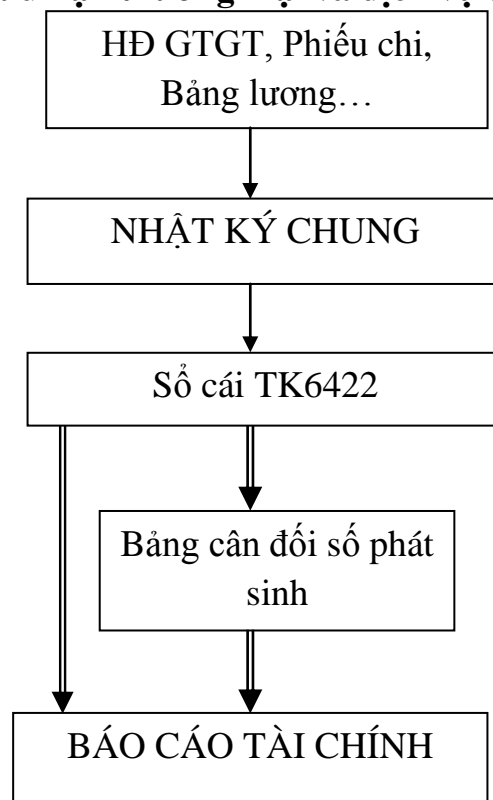
- Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao và các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 6422 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 6422. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 13/12/2014, Công ty thanh toán tiền mạng cho Chi nhánh Viettel Hải Phòng theo HĐ **0087952**, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ Hóa đơn GTGT số **0087952** ghi số liệu vào Nhật ký chung và Sổ cái TK 642.

Biểu số 2.16: Hóa đơn giá trị gia tăng **0087952**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG(VAT) Mẫu số: 01GTGT2/001

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE **Kí hiệu: AA/14P**

Liên 2: Giao cho người mua

Số(No): 0087952

Mã số thuế: 0200287977

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, P.Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): **Trịnh Văn Tiến**

Địa chỉ: **Số 79/185 Tôn Đức Thắng, P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**

Số điện thoại: **0313.5835359**

Mã số: **HPG-16-540436(H_KAN_06-01-0044)**

Hình thức thanh toán: **TM/CK**

MST:

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng: 12/2014				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				220.000
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ:					220.000
Tiền thuế GTGT:10%					22.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					242.000

Số tiền viết bằng chữ: **Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn**

Người nộp tiền ký

Ngày 13 tháng 12 năm 2014

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.17: Phiếu chi (Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH TM & DV thiết bị điện Thanh Linh)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV
thiết bị điện Thanh Linh

Mẫu số 01-TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 12 năm 2014

Quyển số: 05

Số : 85

Nợ : 6422, 133

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: Vũ Thanh Lam

Địa chỉ : Số 5- Nguyễn Tri Phương, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, TP HP

Lý do chi: Thanh toán tiền mạng

Số tiền: 242.000 đồng

(Viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ngày 13 tháng 12 năm 2014

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

Biểu số 2.18: Hóa đơn giá trị gia tăng **0000220**

HÓA ĐƠN		Mẫu số:01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/14P			
(Liên 2: Giao cho người mua)		Số: 0000220			
Ngày 29 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại An Việt					
Mã số thuế: 0200754491					
Địa chỉ: 67/4/170 Phạm Hữu Điều, Phường Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 031.637.671					
Số tài khoản: 2521100104008 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Hải – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Đào Hà Giang					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh					
Địa chỉ: Số 79 ngõ 185 đường Tôn Đức Thắng, P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số TK: 280009796908					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Sửa chữa máy tính, máy in				720.000
Cộng tiền hàng					720.000
Thuế suất GTGT: ... 10%		Tiền thuế GTGT			72.000
Tổng cộng tiền thanh toán					792.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.19: Phiếu chi (Nguồn: Phòng kế toán của Công ty TNHH TM & DV thiết bị điện Thanh Linh)

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV

Mẫu số 01-TT

thiết bị điện Thanh Linh

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 05

Ngày 29 tháng 12 năm 2014

Số : 116

Nợ : 6422, 133

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Mạnh Long

Địa chỉ: 4/170 Phạm Hữu Điều, Phường Niệm Nghĩa, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa máy tính, máy in

Số tiền: 792.000 đồng

(Viết bằng chữ): *Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn*. Kèm theo 01 chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập Người nộp Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 12 năm 2014

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn*.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi: VNĐ

Biểu số 2.20: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ K	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PC85	13/12	Thanh toán tiền mạng	6422	220.000	
		Tiền mặt Việt Nam	111		220.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	22.000	
		Tiền mặt Việt Nam	111		22.000
.....
PC116	29/12	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính, máy in	6422	720.000	
		Tiền mặt Việt Nam	111		720.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	72.000	
		Tiền mặt Việt Nam	111		72.000
.....
PC120	30/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	6422	2.727.273	
			111		2.727.273
.....
PKT	31/12	Kết chuyển CP QLDN	911	267.857.019	
			6422		267.857.019
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 6422 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu tài khoản: 6422 – Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
13/12/2014	PC85	13/12/2014	Thanh toán tiền mạng tháng 12	111	220.000	
29/12/2014	PC116	29/12/2014	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính, máy in	111	720.000	
.....
30/12/2014	PC120	30/12/2014	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	2.727.273	
.....
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		267.857.019
			Cộng số phát sinh		267.857.019	267.857.019
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

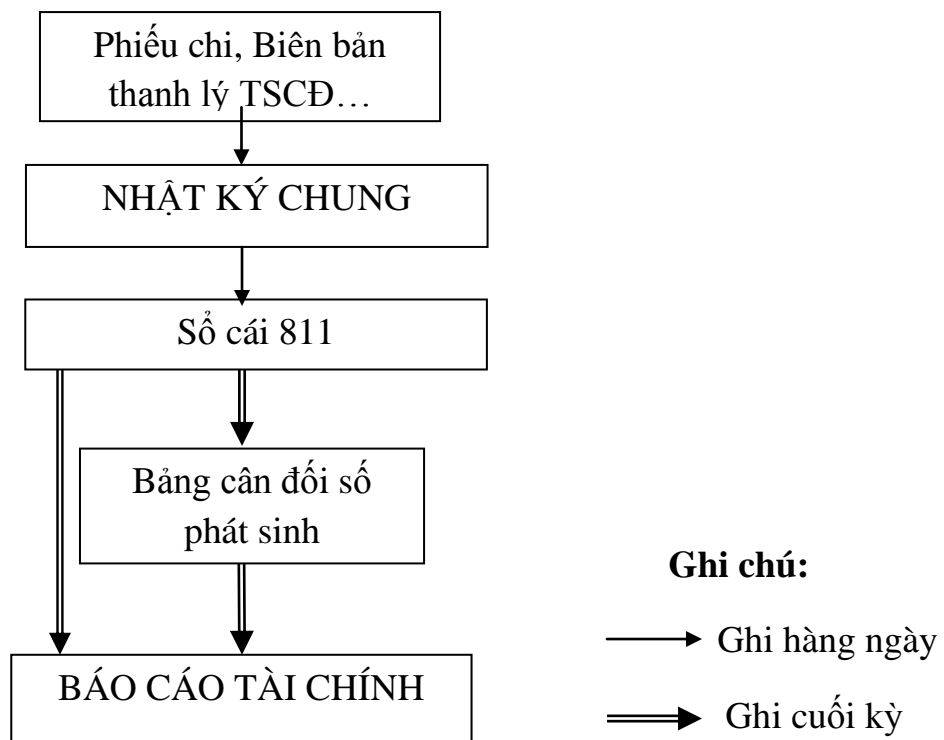
Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.2.4. *Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác*

- ❖ Nội dung: Chi phí khác của các doanh nghiệp gồm:
 - Bị phạt thuế
 - Hạch toán giá trị còn lại thanh lý nhượng bán TSCĐ
 - Các khoản chi phí khác
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
 - Phiếu chi
 - Chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 – “Chi phí khác”
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào Sổ Nhật ký chung, và từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 811. Cuối kỳ, từ các số liệu tổng hợp từ Sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.22: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2014**Đơn vị tính: đồng**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PKT	05/05	Nộp phạt chậm nộp	811	234.636	
			111		234.636
.....
PKT	31/12	Chi phí thuế GTGT làm tròn	811	1.784	
			3331		1.784
PKT	31/12	Kết chuyển tất toán TK	811	4	
			131		4
PKT	31/12	Phí tiền lệch VAT	811	482	
			131		482
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác 811 - >911	911	236.906	
			811		236.906
.....
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Kí, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 811 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK: Chi phí khác

Số hiệu tài khoản: 811– Năm 2014

Đơn vị: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
05/05/2014	PKT	05/05/2014	Nộp phạt chậm nộp	111	234.636	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Chi phí thuế GTGT làm tròn	3331	1.784	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển tất toán TK	131	4	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Phí tiền lệch VAT	131	482	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển chi phí khác 811 ->911	911		236.906
			Cộng số phát sinh		236.906	236.906
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

2.2.2.5. *Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh*

- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
- ❖ Bên Nợ:
 - + Kết chuyển giá vốn hàng bán
 - + Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
 - + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh
 - + Kết chuyển chi phí khác
 - + Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Kết chuyển lãi
- ❖ Bên Có:
 - + Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
 - + Kết chuyển thu nhập khác
 - + Kết chuyển lỗ
 - TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”
 - TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Ví dụ: Ngày 31/12/2014, kế toán thực hiện kết chuyển lãi lỗ toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2014.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: **4.621.627.068**

+ Giá vốn hàng bán: **4.311.922.970**

+ Doanh thu hoạt động tài chính: **354.155**

+ Chi phí tài chính: **23.613.911**

+ Chi phí quản lý kinh doanh: **267.857.019**

+ Chi phí khác: **236.906**

+ Thu nhập khác: **400**

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng bán + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh – Chi phí khác + Thu nhập khác

$$\Rightarrow \text{Lợi nhuận trước thuế} = 4.621.627.068 - 4.311.922.970 + 354.155 - 23.613.911 - 267.857.019 + 400$$

$$\Rightarrow \text{Lợi nhuận trước thuế} = 18.350.817 > 0 \Rightarrow \text{Lãi}$$

Căn cứ vào các Phiếu hạch toán, kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chung, từ đó ghi vào Sổ cái TK 911 và các Sổ cái khác có liên quan. Từ Sổ cái, kế toán lập

Bảng cân đối số phát sinh rồi lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	4.621.627.068
Cộng			4.621.627.068

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu hoạt động tài chính năm 2014	515	911	354.155
Cộng			354.155

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c thu nhập khác năm 2014	711	911	400
Cộng			400

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn năm 2014	911	632	4.311.922.970
Cộng			4.311.922.970

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.28:** Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí tài chính năm 2014	911	635	23.613.911
Cộng			23.613.911

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.29:** Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí quản lý quản lý doanh nghiệp năm 2014	911	6422	267.857.019
Cộng			267.857.019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí khác năm 2014	911	811	236.906
Cộng			236.906

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.31:** Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821	3334	3.717.545
Cộng			3.717.545

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)***Biểu số 2.32:** Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	3.717.545
Cộng			3.717.545

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.33: Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi	911	421	14.633.272
Cộng			14.633.272

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.34: Trích sổ nhật kí chung tháng 12/2014

Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện

Mẫu số S03a-DNN

Thanh Linh

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

P.An Dương – Q.Lê Chân – TP.HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm 2014****Đơn vị tính: đồng**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	4.621.627.068	
			911		4.621.627.068
PKT	31/12	K/c DT hoạt động tài chính năm 2014	515	354.155	
			911		354.155
PKT	31/12	K/c thu nhập khác năm 2014	711	400	
			911		400
PKT	31/12	K/c giá vốn năm 2014	911	4.311.922.970	
			632		4.311.922.970
PKT	31/12	K/c chi phí tài chính năm 2014	911	23.613.911	
			635		23.613.911
PKT	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2014	911	267.857.019	
			6422		267.857.019
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác năm 2014	911	236.906	
			811		236.906
PKT	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN năm 2014	821	3.717.545	
			3334		3.717.545
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2014	911	3.717.545	
			821		3.717.545
PKT	31/12	Kết chuyển lãi năm 2014	911	14.633.272	
			421		14.633.272
		Cộng phát sinh		33.846.811.244	33.846.811.244

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.35: Trích sổ cái TK 911 tháng 12 năm 2011**Đơn vị:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh**Địa chỉ:** P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu tài khoản: 911– Năm 2014****Đơn vị: đồng**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		4.621.627.068
31/12/2014	PKT	31/12/2014	K/c DT hoạt động tài chính năm 2014	515		354.155
31/12/2014	PKT	31/12/2014	K/c thu nhập khác năm 2014	711		400
31/12/2014	PKT	31/12/2014	K/c giá vốn năm 2014	632	4.311.922.970	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	K/c chi phí tài chính năm 2014	635	23.613.911	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	K/c chi phí quản lý kinh doanh năm 2014	6422	267.857.019	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển chi phí khác năm 2014	811	236.906	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2014	821	3.717.545	
31/12/2014	PKT	31/12/2014	Kết chuyển lãi năm 2014	421	14.633.272	
			Cộng số phát sinh		4.621.981.623	4.621.981.623
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(Kí, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Kí, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Kí, ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Niên độ tài chính năm 2014

Mã số thuế: **0201084497**Người nộp thuế: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh
ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.621.627.068	2.657.591.891
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.621.627.068	2.657.591.891
4	Giá vốn hàng bán	11		4.311.922.970	2.358.823.328
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		309.704.098	298.768.563
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		354.155	508.666
7	Chi phí tài chính	22		23.613.911	42.287.544
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.613.911	42.287.544
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		267.857.019	235.816.140
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		18.587.323	21.173.545
10	Thu nhập khác	31		400	0
11	Chi phí khác	32		236.906	2.023.000
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(236.506)	(2.023.000)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	18.350.817	19.150.545
14	Chi phí thuế TNDN	51		3.717.545	4.234.709
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.633.272	14.915.836

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIẾT BỊ ĐIỆN THANH LINH

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh, em nhận thấy tổ chức tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh

- Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng đến nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo

kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau.

- Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, say mê trong công việc. Hơn nữa, đa phần trong số họ là những người đã gắn bó với công ty từ ngày đầu thành lập, đã thuần thục các quy định kế toán trong công ty, am hiểu chế độ, chính sách kế toán.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên kế toán trong phòng kế toán, đồng thời cũng chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hoạch toán và đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu.

❖ Về hoạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như các chuẩn mực ban hành cụ thể:

- Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hoạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

- Về sổ sách kế toán sử dụng: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá

hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những ưu điểm thì công ty cũng còn có những hạn chế cần khắc phục trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về chứng từ sử dụng:

- Công ty đã lập Phiếu hạch toán nhưng chưa đánh số cho các Phiếu hạch toán, nên rất khó để quản lý và theo dõi.

❖ Về sổ sách sử dụng:

- Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng theo dõi cho doanh thu của từng mặt hàng và sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Khi nhà quản trị muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Việc thanh toán với khách hàng với công ty đôi khi còn chậm, công ty gặp khó khăn trong việc thu hồi các khoản nợ của khách hàng. Thậm chí, có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải

thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại chưa lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

❖ ***Về chế độ hậu đãi đối với khách hàng:***

- Chế độ hậu đãi đối với khách hàng chưa được tốt, người mua hàng vẫn chưa thực hiện được chăm sóc đặc biệt sau khi mua hàng, khâu marketing của bộ phận kinh doanh còn chưa phát huy hết năng lực dẫn đến hiệu quả chưa cao.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp, các công ty tư nhân cạnh tranh gay gắt, do vậy mỗi doanh nghiệp cần nắm rõ hoạt động của công ty một cách chính xác và kịp thời để từ đó đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mình. Đồng thời, những đối tác làm ăn, những nhà đầu tư cũng cần biết rõ những số liệu chính xác doanh nghiệp để có những quyết định đúng đắn.

- Tình hình hoạt động của doanh nghiệp có thể được đánh giá thông qua nhiều mặt, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Tuy nhiên, thông qua phòng kế toán là hết sức quan trọng, không thể bỏ qua, là một trong những yếu tố để đưa ra những quyết định của nhà đầu tư, cũng như đối tác làm ăn.

- Trên thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chỉ dừng ở mức độ ghi chép, phản ánh thông tin kế toán mà chưa có những tác động tích cực, những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để giúp cho chủ doanh nghiệp có những biện pháp làm tăng doanh thu, làm giảm chi phí và thu lợi nhuận cao trong doanh nghiệp. Đồng thời đề ra những mục chiến lược phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng và cấp thiết tại mỗi doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh nói riêng để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện tại.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
- + Đảm bảo sự thống nhất và hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp kế toán.
- + Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Hoàn thiện dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt.
- + Hoàn thiện phải phù hợp đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Trước những nhu cầu hoàn thiện hơn nữa kế toán tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh cho phù hợp chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của czs ông ty còn có những hạn chế sau. Sau đây, em xin trình bày một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh.

Kiến nghị 1: Về hoàn thiện chứng từ kế toán

Công ty nên đánh số phiếu hạch toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu hạch toán nên đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PHT 01/01, PHT 02/01, PHT 01/02

Kiến nghị 2: Về hoàn thiện sổ sách sử dụng

- Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh, nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty. Mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị:.....

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản...				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			-Số dư đầu kỳ -Số phát sinh trong kỳ						
			-Cộng SPS trong kỳ -Ghi Có TK... Số dư cuối kỳ						

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sau đây em xin lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho Công ty như sau:

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ: P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 632)

Tài khoản: 642

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản...									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						64221	64222	64223	64224	64225	64226	64227	64228	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Số phát sinh											
...	
02/12	GBN	02/12	Phí ngân hàng MB	112	24.000					24.000				
13/12	HĐ 2137097	13/12	Thanh toán tiền mạng cho CN Viettel HP	1111	220.000							220.000		
...	
29/12	HĐ00002 20	29/12	Thanh toán tiền sửa máy tính	1111	720.000							720.000		
...	
31/12	BL	31/12	Lương nhân viên tháng 12	334	25.000.000	25.000.000								
...	
			Cộng SPS trong kỳ		267.857.019	196.365.000	19.873.025	12.184.734	3.333334	8.360.000	20.701.462	4.862.126	2.177.338	
			Ghi Có TK 6422	911	267.857.019									
			Số dư cuối kỳ											

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trong đó:

- + TK 64221: Lương nhân viên gián tiếp
- + TK 64222: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 64225: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 64226: Chi phí dự phòng
- + TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

❖ Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí của từng mặt hàng. Em xin đưa mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.3:

Đơn vị : Công ty TNHH TM&DV thiết bị điện Thanh Linh

Địa chỉ : P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Cáp ngầm DSTA 3x240 + 1x120

Năm: 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
...
05/12	HĐ0000 192	05/12	Bán hàng công ty Liên Doanh Sản Xuất Thép Vinausteel	131	252	1.500.286	378.072.082		
...
07/12	HĐ0000 198	07/12	Công ty Cổ Phần thiết bị điện VAT	131	450	1.500.350	675.157.500		
...
			Cộng số phát sinh		1560		2.340.265.200		
			Giá vốn hàng bán				2.242.110.000		
			Lãi gộp				98.155.200		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký,họ tên)Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Kiến nghị 3: Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Đối với ban quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo
- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính.

- Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của ban lãnh đạo
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của lãnh đạo liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi-lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa....
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

- Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, SMART.... Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán

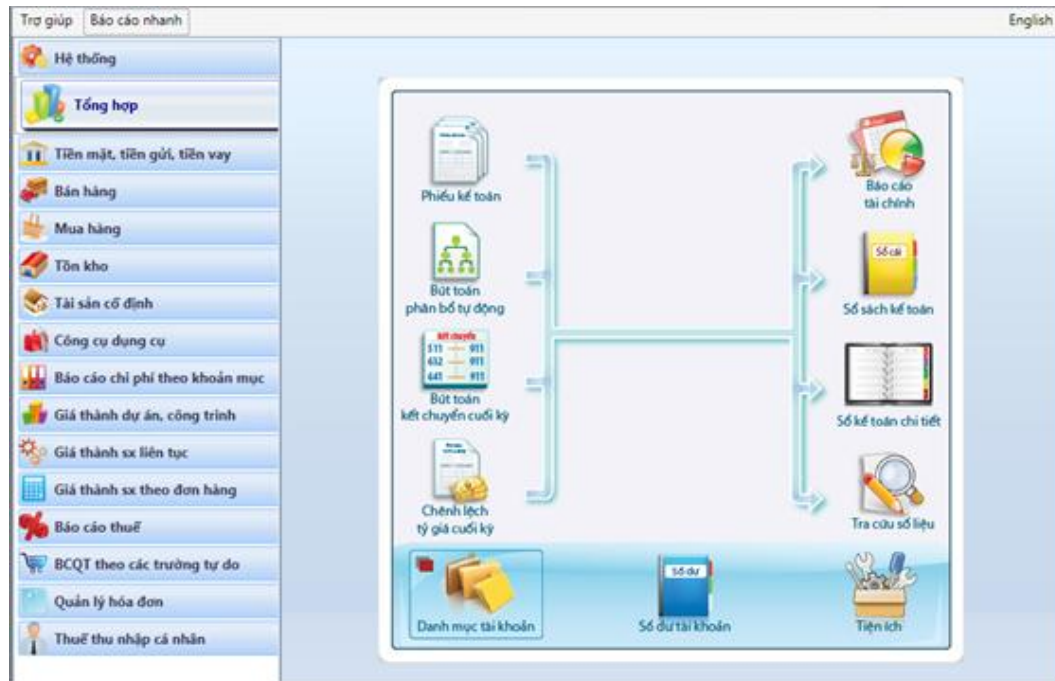
- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015**



Chức năng:

MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2015 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên.

• Phần mềm kế toán FAST



Chức năng:

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

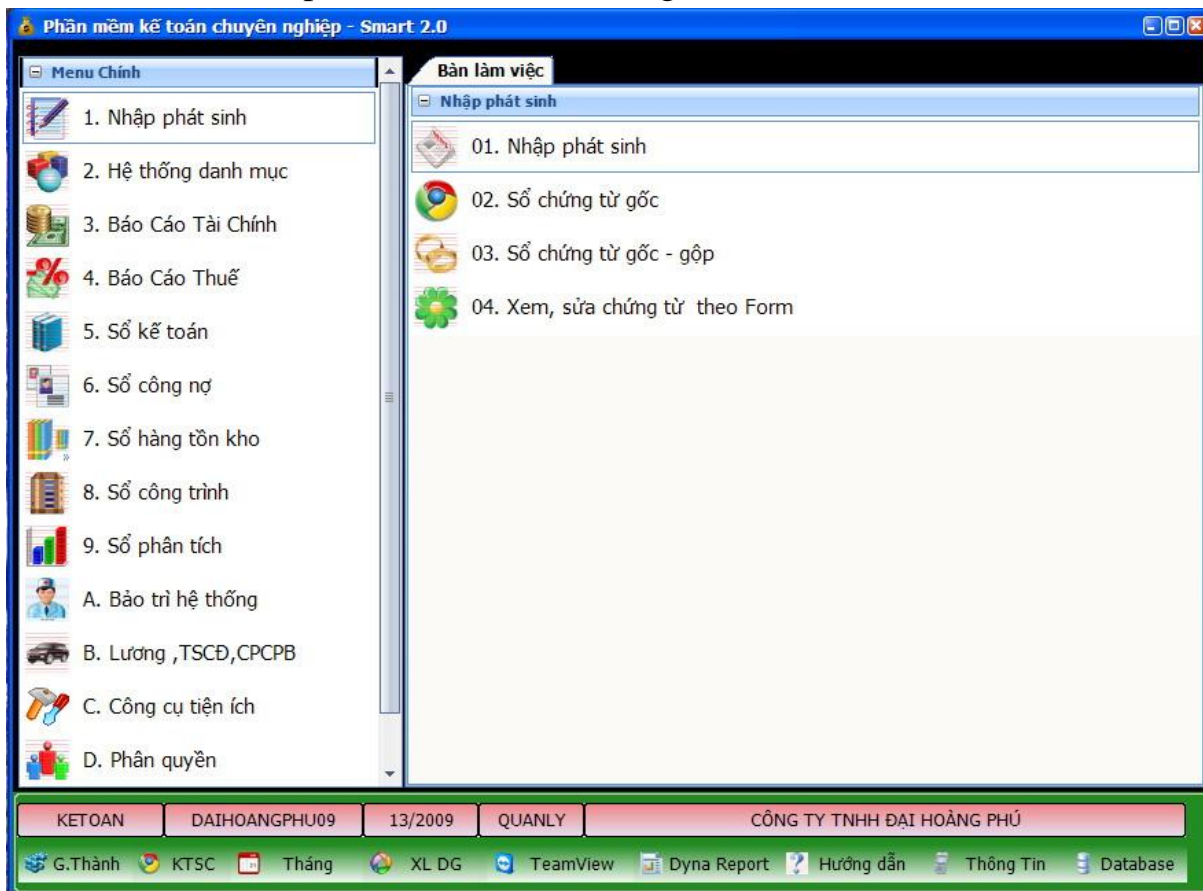
Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

- Hệ thống
- Kế toán tổng hợp
- Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán TSCĐ
- Kế toán CCLĐ
- Báo cáo chi phí theo khoản mục
- Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- Báo cáo thuế
- Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- Quản lý hóa đơn
- Thuế thu nhập cá nhân.

• Phần mềm kế toán SMART

Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây Dựng, Sản Xuất, Thương Mại, Dịch Vụ, Xuất Nhập Khẩu,... Bên cạnh đó phần mềm kế toán

SMART còn hỗ trợ đặc lực cho những cá nhân làm dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm kế toán SMART, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.



- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc cho phù hợp với đơn vị. Chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp.

- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính trực tiếp qua HTKK mã vạch (không cần đẩy ra file Excel), theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.

- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).

- Công cụ quản trị bảng dữ liệu (Bao gồm chức năng In Báo Cáo Nhanh, đẩy

dữ liệu ra file Excel đã được căn chỉnh tự động, Access và ngược lại, v.v...), Phân tích dữ liệu mở giống như Subtotal và PivotTable của Excel.

Kiến nghị 4: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu, thất thu khi hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

❖ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khuế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.
- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân.....) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ Phương pháp xác định

- Dựa trên tài liệu hoạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \frac{\text{Nợ phải thu khó đòi}}{\text{khó đòi}} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

❖ Mức trích lập (Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở nên
- Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

❖ Tài khoản sử dụng: TK1592

❖ Phương pháp hoạch toán

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở các kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hoạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 1592

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ vào chi phí:

Nợ TK 1592

Có TK 642

- Xóa nợ:

Nợ TK 1592: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK131

Có TK 138

Đồng thời ghi nợ TK004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112.....

Có TK 711

Đồng thời ghi có TK 004

Ví dụ minh họa: Giả sử ngày 31/12/2014, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên báo cáo tình huống công nợ như sau:

Tổng số tiền cần trích lập dự phòng:

$$9.050.000 + 17.800.000 + 13.670.000 = 40.520.000$$

Số dự phòng phải thu khó đòi:

$$(9.050.000 + 17.800.000) \times 30\% + 13.670.000 \times 50\% = 14.890.000$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK642: 14.890.000

Có TK 1592: 14.890.000

Biểu số 3.4: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh
Địa chỉ: P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 38

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	642	1592	14.890.000
Cộng			14.890.000

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh
Linh

Địa chỉ: P.An Dương,Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng

Mẫu số S02b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu	Thời gian quá hạn thanh toán(tháng)	Khả năng thanh toán	Tỷ lệ trích lập dự phòng	Số trích lập dự phòng
1	Công ty CP thiết bị điện VDT	9.050.000	7		30%	2.715.000
2	Công ty TM và dịch vụ điện cơ Thảo Ngọc	17.800.000	9		30%	5.340.000
3	Công ty TNHH Thiên Trường	13.670.000	14		50%	6.835.000
	Tổng cộng	40.520.000				14.890.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kiến nghị 5: Về việc quản lý bán hàng và áp dụng chính sách ưu đãi

- Quá trình bán hàng của công ty cần được tính toán khoa học, cân nhắc căn cứ vào tiềm năng sẵn có như vốn, mạng lưới tiêu thụ, đồng thời làm tốt công tác Marketing trong kinh doanh, giá vốn phải linh hoạt trong từng thời điểm, có chính sách khuyến mại, thưởng doanh số hợp lý nhằm kích thích khách hàng tiêu thụ hàng hóa thường xuyên cho công ty, tăng cường khâu kỹ thuật cho khách có như vậy, công ty mới có một thị trường tiêu thụ hàng hóa một cách bền vững, lâu dài và sâu rộng. Mục tiêu của việc xác định kế hoạch là mua hàng với số lượng lớn đủ tối thiểu mà vẫn đảm bảo đến các chủng loại hàng, mùa vụ.....Trong điều kiện mới điều này cần quan tâm hơn vì nó giúp công ty sử dụng vốn linh hoạt tránh được tồn đọng hàng hóa. Trên cơ sở đó cần phải đẩy mạnh phương thức bán hàng chuyển thẳng, giảm được chi phí vận chuyển, kho bãi.....

- Áp dụng phương pháp này công ty cần tăng cường công tác thông tin kinh tế, nắm chắc nguồn hàng, chân hàng, bạn hàng lâu dài, về thực tại và lâu dài cho công ty cần nâng cao trình độ cán bộ nhất là cán bộ làm công tác kinh doanh xuất nhập khẩu, tích cực tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước. Tăng cường quản lý kinh doanh ở các khâu bán hàng khoán thực hiện phương pháp hoạch toán hợp lý để đạt được mục tiêu và yêu cầu tối đa. Đẩy mạnh công nghệ thông tin trong bán hàng.

❖ ***Áp dụng chính sách ưu đãi:*** Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng các chính sách

▪ ***Chiết khấu thương mại***

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

➤ ***Quy định khi hoạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hoạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

➤ ***Phương pháp hạch toán***

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK111,112 – Thanh toán ngay

Có TK131 – Phải thu khách hàng

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK5211 – Chiết khấu thương mại

▪ **Chiết khấu thanh toán**

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.

- Công ty có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

Sau đây là một vài chiết khấu để công ty tham khảo:

- Nếu thời gian khách hàng thanh toán từ 1 đến 15 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 0.8%

- Nếu thời gian khách hàng thanh toán từ 16 đến 30 ngày sẽ được hưởng chiết khấu 0.75%

- Nếu thời gian khách hàng thanh toán từ 1 tháng trở lên đến dưới 2 tháng sẽ được hưởng chiết khấu 0.65%

- Nếu thời gian khách hàng thanh toán từ 2 tháng trở lên đến dưới 3 tháng sẽ được hưởng chiết khấu 0.6%

❖ **Phương pháp hoạch toán:**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 – Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ TK635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho người bán

Có TK111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK635: Chiết khấu thanh toán

Ví dụ: Dựa vào sổ chi tiết TK131 của công ty TNHH Daito Butter Việt Nam. Đối với hợp đồng vận chuyển theo hóa đơn 0000168 ngày 28/11/2014 tổng số tiền thanh toán là 493.000.000 đồng (bao gồm cả thuế VAT). Theo hợp đồng vận chuyển công ty TNHH Daito Butter Việt Nam có thời hạn thanh toán là 2 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vận chuyển. Công ty TNHH Daito Butter Việt Nam đã thanh toán vào ngày 11/12/2014 số tiền 493.000.000 đồng. Như vậy số tiền chiết khấu thanh toán mà công ty TNHH Daito Butter Việt Nam được hưởng:

Số tiền CK: $0.8\% \times 493.000.000 = 3.944.000$ đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK635: 3.944.000

Có TK131: 3.944.000

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK911: 3.944.000

Có TK635: 3.944.000

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN
TK131**

**Đối tượng: Công ty TNHH Daito Butter Việt Nam
Từ ngày 01/01/2014 – 31/12/2014**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				650.000.000	
HD065	03/03/2014	Dây dân dụng, cáp cu	511	80.992.000		730.992.000	
		VAT - Dây dân dụng, cáp cu	3331	8.099.200		739.091.200	
		
GBC165	18/05/2014	Thanh toán tiền hàng	1121		140.500.000	459.000.000	
		
HD168	28/11/2014	Dây điện, cáp điện	511	448.181.818		698.181.818	
			3331	44.818.182		743.000.000	
		
GBC347	12/12/2014	Thanh toán tiền hàng theo HĐ	1121		489.056.000	34.944.000	
PKT	12/12/2014	Chiết khấu thanh toán được hưởng	635		3.944.000	30.000.000	
		
		Cộng số phát sinh		1.227.514.000	1.830.219.000		
		Số dư cuối kỳ				47.295.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ tạo điều kiện cho Ban Giám đốc Công ty đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Khóa luận của em với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh” đã đề cập đến những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh khá đầy đủ về công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh với số liệu minh chứng của năm 2014.

Về giải pháp: Đối chiếu với lý luận và tính hình thực tế tại Công ty, Khóa luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở lý luận, chế độ quy định, tình hình thực tế của Công ty nên trong một chừng mực nào đó đều có tính khả thi với doanh nghiệp.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp, chỉ bảo cũng như sự thông cảm từ phía thầy cô và các bạn để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban Giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán Công ty Cổ Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ thiết bị điện Thanh Linh đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn ThS. Đồng Thị Nga – người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 6 tháng 7 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Ngọc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)* : NXB Lao Động
2. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)* : NXB Lao Động
3. Bùi Văn Trường (2008) – *Kế toán chi phí*: NXB Lao Động
4. Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
5. Khóa luận của các khóa 13, 14 tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng